

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
PHẦN A - VỀ LĨNH VỰC QUY HOẠCH	2
PHẦN B - LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP	2
I. Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ.....	2
II. Lĩnh vực cụm công nghiệp (CCN).....	4
III. Lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ Công nghiệp, vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm, an toàn hoạt động dầu khí	12
IV. Lĩnh vực khuyến công.....	21
PHẦN C - LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI.....	24
I. Về hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại)	24
II. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và kinh doanh khí, kinh doanh rượu.....	28
III. Lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế và xuất nhập khẩu	33
IV. Lĩnh vực Vệ sinh an toàn thực phẩm	35
V. Lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.....	38
VI. Lĩnh vực thương mại điện tử	40
VII. Lĩnh vực xúc tiến thương mại	40
PHẦN D - LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG	42
I. Lĩnh vực cung cấp điện, tiếp cận điện năng	42
II. Lĩnh vực năng lượng tái tạo.....	42
III. Về Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.....	54
IV. Công trình điện.....	55
PHẦN E – CÁC NỘI DUNG KIẾN NGHỊ KHÁC.....	59

**TỔNG HỢP TRẢ LỜI CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐỐI VỚI CÁC KIẾN NGHỊ TẠI HỘI NGHỊ NGÀNH CÔNG THƯƠNG
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC PHÍA NAM NĂM 2023
TẠI TỈNH HẬU GIANG**

(Kèm theo Công văn số: 961 /CTDP-KHTH ngày 29 tháng 9 năm 2023)

PHẦN A - VỀ LĨNH VỰC QUY HOẠCH

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Bà Rịa – Vũng Tàu)

Bộ Công Thương chỉ đạo cung cấp hồ sơ sản phẩm các quy hoạch ngành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gửi địa phương để nghiên cứu, triển khai thực hiện, điều chỉnh và cập nhật danh mục các dự án vào Quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

Trả lời (Vụ Kế hoạch – Tài chính):

Các Quy hoạch ngành quốc gia thuộc lĩnh vực công thương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cụ thể:

- Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia: Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023

- Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia: Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023

- Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu khí đốt quốc gia: Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023

- Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản Việt Nam: Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2021

Thực hiện quy định của Luật Quy hoạch, Bộ Công Thương đã tổ chức Hội nghị công bố các quy hoạch nêu trên. Đồng thời, Bộ Công Thương đã đăng tải toàn bộ Hồ sơ quy hoạch trên cổng thông tin điện tử của Bộ.

Ngoài ra, theo đề nghị của Sở Công Thương, Bộ cũng đã có văn bản gửi Hồ sơ dưới dạng điện tử (đường link).

PHẦN B - LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

I. Lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Long An)

a) Mặc dù Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành thời gian đã khá dài, công tác triển khai, phổ biến các nội dung quy định về công nghiệp hỗ trợ đến các tổ chức, cá nhân có liên quan được quan tâm thực hiện thường xuyên, tuy nhiên đến nay, tỉnh vẫn chưa cấp được Giấy xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của địa phương. Nguyên nhân một phần do yêu cầu, điều kiện và thành phần hồ sơ quy định để được xác nhận hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa còn khó tiếp cận (như tại Điều 4, Chương I, Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ Công Thương quy định trường hợp được hưởng ưu đãi

thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó đối với danh mục thuộc Phụ lục I (Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong nước đã sản xuất được trước ngày 01/01/2015) phải có Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu hoặc tương đương (nếu có); quy định này đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ khó có khả năng đáp ứng).

Kiến nghị Bộ Công Thương hướng dẫn, xem xét lại điều kiện, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, nhằm giúp các doanh nghiệp tiếp cận được các chính sách hỗ trợ theo quy định.

Trả lời (Cục Công nghiệp):

Ngày 03/11/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ; để triển khai thực hiện Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 55/2015/TT-BCT quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển ban hành tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; và Thông tư số 19/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2015/TT-BCT.

Các dự án được xác nhận ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, Thông tư số 55/2015/TT-BCT và Thông tư số 19/2021/TT-BCT có thể làm các thủ tục tiếp theo để được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN cao nhất theo pháp luật về thuế hiện hành (Thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo).

Điều kiện được hỗ trợ đối với Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong nước đã sản xuất được trước ngày 01/01/2015 phải có Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu hoặc tương đương (nếu có); nội dung này được quy định tại Khoản 5, Điều 1, Luật số 71/2014/QH13 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế, theo đó quy định: “Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành: dệt - may; da - giày; điện tử - tin học; sản xuất lắp ráp ô tô; cơ khí chế tạo mà các sản phẩm này tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2015 trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng phải đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (EU) hoặc tương đương.”

Hiện tại, Bộ Công Thương đang trình Chính phủ xem xét ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2015/NĐ-CP để phù hợp hơn với tình hình phát triển CNHT thực tiễn hiện nay và theo hướng hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp đầu tư dự án, đồng thời đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhằm giúp các doanh nghiệp thuận lợi trong tiếp cận được các chính sách hỗ trợ theo quy định.

b) Nghị định số 111/2015/NĐ-CP được ban hành từ năm 2015, tuy nhiên đến nay vẫn còn một số Bộ ngành chưa ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện, điều này gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước và ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp ngành công nghiệp hỗ trợ. Các ưu đãi hiện hành dành cho dự án công nghiệp hỗ trợ chưa đủ hấp dẫn để các doanh nghiệp quan tâm thực hiện thủ tục đề nghị xác nhận ưu đãi và thu hút đầu tư dự án công nghiệp hỗ trợ mới.

Kiến nghị Bộ Công Thương có kiến nghị các Bộ ngành sớm ban hành các văn bản, quy định cụ thể các chính sách ưu đãi cho dự án CNHT, hoàn chỉnh hành lang pháp lý, từ đó tạo môi trường đầu tư hấp dẫn cho các dự án CNHT.

Trả lời (Cục Công nghiệp):

- Đối với việc ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 111/2015/NĐ-CP: Hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực phát triển công nghiệp hỗ trợ tương đối hoàn thiện. Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 về phát triển công nghiệp hỗ trợ, Chính phủ ban hành các Quyết định phê duyệt các Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ sau: (i) Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025; (ii) Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ; Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 29/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ; và Thông tư 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển.

- Đối với chính sách ưu đãi, các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển được xác nhận ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 111/2015/NĐ-CP, Thông tư số 55/2015/TT-BCT và Thông tư số 19/2021/TT-BCT thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư được hưởng các ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, tín dụng, bảo vệ môi trường, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước, thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức cao nhất tương đương với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao ưu tiên phát triển.

- Mới đây, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương đã có văn bản gửi các Bộ, ngành, địa phương đôn đốc triển khai thực hiện các giải pháp trong Nghị quyết. Đến nay, một số địa phương đã chủ động ban hành các cơ chế, chính sách, Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của địa phương nhằm phù hợp với tình hình phát triển công nghệ hỗ trợ trên địa bàn, ví dụ: Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Bắc Giang, Đà Nẵng, Quảng Nam, Hồ Chí Minh,... Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đang thống nhất với các Bộ, ngành hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP trình Chính phủ sớm phê duyệt nhằm phù hợp với tình hình phát triển thực tế hiện nay.

II. Lĩnh vực Cụm công nghiệp

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

(1) Tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp quy định: “4.

Đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác về CCN không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển CCN trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các CCN đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, UBND cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất để thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh” .

Do đó, để giảm bớt thủ tục, thời gian điều chỉnh, tăng trách nhiệm cho địa phương, đề nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ phân cấp cho UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh những thay đổi nhỏ, thường xuyên nêu trên.

(2) Theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN thuộc nhóm dự án cần phải được chấp thuận đầu tư từ cơ quan có thẩm quyền. Trong khi đó, theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 18 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư thành lập CCN, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và không phải thực hiện quyết định chủ trương đầu tư. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp theo hướng công nhận Quyết định thành lập cụm công nghiệp thay thế Quyết định chủ trương đầu tư.

(3) Theo quy định của Luật Xây dựng và các Nghị định liên quan thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN phải lập quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng và lập dự án đầu tư xây dựng. Trong khi đó, theo quy định tại Điều 16, 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, đối với CCN chỉ cần lập quy hoạch chi tiết xây dựng để làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung Điều 10 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP theo hướng đối với CCN thì tiến hành lập ngay quy hoạch chi tiết xây dựng để làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và không cần thực hiện bước lập quy hoạch phân khu xây dựng; đồng thời, phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn các cơ quan quản lý về xây dựng tại các địa phương thống nhất áp dụng quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

Hiện nay, Bộ Công Thương đã hoàn thành xây dựng dự thảo Nghị định về quản lý, phát triển CCN (thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP), báo cáo Chính phủ tại Tờ trình số 3842/TTr-BCT ngày 20/6/2023 và Tờ trình số 6032/TTr-BCT ngày 31/8/2023 (sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp). Theo đó, dự thảo Nghị định được sửa đổi, bổ sung theo hướng:

(1) Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý những thay đổi nhỏ, thường xuyên về quy hoạch CCN; cụ thể: “*Trường hợp cụm công nghiệp thành lập, mở rộng có điều chỉnh về tên gọi, vị trí thay đổi trong địa giới hành chính cấp huyện, diện tích tăng không quá 05 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tại Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp*” để giảm bớt thủ tục, thời gian điều chỉnh, tăng trách nhiệm cho địa phương.

(2) Tích hợp thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư vào thủ tục quyết định thành lập/mở rộng CCN, nhằm tiếp tục thể hiện mạnh mẽ tinh thần cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng CCN của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đồng thời tăng cường vai trò, trách nhiệm cơ quan đầu mối quản lý CCN trên địa bàn cấp tỉnh.

(3) Nghị định số 68/2017/NĐ-CP không điều chỉnh nguyên tắc quản lý đã được quy định tại các pháp luật chuyên ngành (trong đó có pháp luật về xây dựng); Điều 16 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP chỉ quy định trình tự cơ bản (một số bước chính) thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN. Vì vậy, việc lập quy hoạch phân khu xây dựng thực hiện theo pháp luật về xây dựng.

Đối với kiến nghị điều chỉnh, bổ sung Điều 10 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP theo hướng đối với CCN không cần thực hiện bước lập quy hoạch phân khu xây dựng, đề nghị địa phương có văn bản đề xuất/kiến nghị (như nêu trên) gửi Bộ Xây dựng (cơ quan tham mưu Chính phủ quản lý nhà nước về xây dựng); Bộ Công thương sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng trong quá trình sửa đổi, bổ sung pháp luật về xây dựng liên quan đến nội dung này.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Tiền Giang)

(1) Về đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp: Qua nghiên cứu, tại Điều 29 của Luật Đầu tư năm 2020 quy định: Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và dự án đầu tư có đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu thì được thực hiện sau khi chấp thuận chủ trương đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư. Trường hợp tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất mà chỉ có một người đăng ký tham gia hoặc đấu giá không thành theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc trường hợp tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư mà chỉ có một nhà đầu tư đăng ký theo quy định của pháp luật về đấu thầu, cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư khi nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Như vậy có thể hiểu rằng đối với CCN thuộc diện đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thì trước tiên phải lập hồ sơ, trình cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nhà đầu tư; sau đó mới tiến hành đánh giá lựa chọn chủ

đầu tư theo quy định của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 28/2020/TT-BCT. Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN không có trong quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 28/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương. Do đó còn chồng chéo giữa Luật Đầu tư năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật quản lý chuyên ngành về CCN trong công tác quản lý các dự án đầu tư hạ tầng CCN.

Kiến nghị: Hiện nay, Bộ Công Thương đang tham mưu xây dựng dự thảo Nghị định mới để thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Tỉnh kiến nghị Bộ Công Thương tiếp tục đề xuất Chính phủ ban hành quy định rõ có thực hiện thủ tục chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư năm 2020 hay tiến hành đánh giá lựa chọn chủ đầu tư ngay khi có nhà đầu tư nộp hồ sơ thành lập CCN theo quy định.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

Theo quy định tại Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (khoản 12 Điều 1) quy định: *“Trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất một số năm hoặc được miễn toàn bộ thời gian sử dụng đất đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất, trừ các trường hợp sau đây: (i) Chỉ được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản của dự án; (ii) sử dụng đất vào mục đích thương mại, dịch vụ; (iii) sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại.”*

Theo quy định của Chính phủ, CCN thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Phụ lục III Nghị định 31/2021/NĐ-CP); đầu tư phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật CCN thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (Phụ lục II Nghị định 31/2021/NĐ-CP); Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN được miễn tiền thuê đất 11 năm (Điều 28 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP).

Như vậy, theo các quy định nêu trên, việc lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN không thực hiện theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất.

Hiện nay, Bộ Công Thương đã hoàn thành xây dựng dự thảo Nghị định về quản lý, phát triển CCN và đang trình Chính phủ. Theo đó, dự thảo Nghị định này được xây dựng theo hướng tích hợp thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư vào thủ tục quyết định thành lập/mở rộng CCN, tiếp tục kế thừa quy định lựa chọn chủ đầu tư (nhà đầu tư) dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng

kỹ thuật CCN theo hình thức thành lập Hội đồng đánh giá chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư trong quá trình thực hiện thủ tục thành lập, mở rộng CCN.

(2) Về suất đầu tư dự án cụm công nghiệp: Hiện nay, một số địa phương tính toán suất đầu tư cụm công nghiệp trên cơ sở tham khảo suất đầu tư khu công nghiệp dưới 100ha do Bộ Xây dựng công bố. Qua rà soát, hiện nay chưa có văn bản nào quy định về suất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp nên gây khó khăn trong việc xác định tổng vốn đầu tư dự án cụm công nghiệp để làm cơ sở đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hoặc xây dựng kế hoạch dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp theo quy hoạch được duyệt. Do đó, kiến nghị Bộ Công Thương có ý kiến đối với Bộ Xây dựng tính toán, bổ sung suất đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp khi công bố suất vốn đầu tư công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình hàng năm để thống nhất áp dụng trong cả nước.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

Bộ Công Thương ghi nhận ý kiến của Sở, sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng và các đơn vị liên quan trong quá trình xây dựng các văn bản pháp luật về suất đầu tư CCN.

3. Kiến nghị (Sở Công Thương Bà Rịa – Vũng)

Bộ Công Thương trình Chính phủ phê duyệt ban hành nghị định sửa đổi Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

Hiện nay, Bộ Công Thương đã hoàn thành xây dựng dự thảo Nghị định về quản lý, phát triển CCN (thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP), báo cáo Chính phủ tại Tờ trình số 3842/TTr-BCT ngày 20/6/2023 và Tờ trình số 6032/TTr-BCT ngày 31/8/2023 (sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

4. Kiến nghị (Sở Công Thương Bình Thuận)

(1) Về trình tự, thủ tục cấp chủ trương, lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp:

- Hiện nay, thủ tục để triển khai dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp đang thực hiện theo 2 quy định: (1) Chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 (quy định cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư). (2) Thủ tục thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11

tháng 6 năm 2020 của Chính phủ (quy định cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập cụm công nghiệp là Sở Công Thương).

- Về hình thức lựa chọn nhà đầu tư làm chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp: theo quy định tại khoản 9, Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ và tại Điều 4 Thông tư số 28/2020/TTBCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017-NĐ-CP, có quy định: trong quá trình xem xét thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp để chấm điểm, đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp. Do đó, trong thời gian qua, có sự chồng chéo giữa các quy định nên công tác thu hút các nhà đầu tư hạ tầng còn hạn chế, gặp khó khăn, vướng mắc. Do đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng phù hợp với pháp luật đầu tư hiện hành (xem đầu tư cụm công nghiệp là dự án đầu tư). Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định gắn bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp,... với các thủ tục liên quan đến chấm dứt hoạt động đầu tư thống nhất theo quy định tại pháp luật về đầu tư hiện hành.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

Hiện nay, Bộ Công Thương đã hoàn thành xây dựng dự thảo Nghị định về quản lý, phát triển CCN và đang trình Chính phủ. Theo đó, dự thảo Nghị định được sửa đổi, bổ sung theo hướng:

- Tích hợp thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư vào thủ tục quyết định thành lập/mở rộng CCN. Tiếp tục kế thừa quy định lựa chọn chủ đầu tư (nhà đầu tư) dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN theo hình thức thành lập Hội đồng đánh giá chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư trong quá trình thực hiện thủ tục thành lập, mở rộng CCN.

- Quy định việc điều chỉnh nội dung hoặc bãi bỏ Quyết định thành lập, Quyết định mở rộng CCN do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và quy định của pháp luật. (Việc chấm dứt dự án đầu tư thực hiện theo Điều 48 Luật Đầu tư và các quy định khác liên quan).

(2) Về cấp phép xây dựng đối với dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp:

- Tại điểm d khoản 2 Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 quy định “Công trình xây dựng thuộc dự án khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được thẩm định thiết kế xây dựng theo quy định thì được miễn Giấy phép xây dựng” và tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-

CP cũng quy định “Các công trình xây dựng trong cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và được thẩm định thiết kế thì được miễn Giấy phép xây dựng”. Theo đó nội dung quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP phù hợp với Luật Xây dựng.

- Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 30 Điều 1 Luật Xây dựng năm 2020 sửa đổi, bổ sung Điều 89 về cấp phép xây dựng thì không có quy định trường hợp “Công trình xây dựng thuộc dự án khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và được thẩm định thiết kế xây dựng theo quy định thì được miễn Giấy phép xây dựng”. Theo đó, nội dung quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP không còn phù hợp với Luật Xây dựng, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình xem xét cấp Giấy phép xây dựng cho các dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

Bộ Công Thương đã tiếp thu, điều chỉnh nội dung này trong quá trình xây dựng, trình Chính phủ xem xét ban hành Nghị định về quản lý, phát triển CCN (thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP) để phù hợp với Luật Xây dựng.

(3) Bổ sung quy định cụ thể về quy trình, thủ tục chuyển đổi CCN có Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật là Nhà nước (đã thành lập và đầu tư một phần hoặc toàn bộ hạ tầng kỹ thuật từ NSNN) sang cho doanh nghiệp quản lý, vận hành và quy định về xử lý tài sản công do kinh phí ngân sách đầu tư trong phần diện tích CCN.

Thực hiện nhiệm vụ của Thủ tướng Chính phủ, giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Dự thảo Nghị định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP), dự kiến hoàn thiện, trình Chính phủ trong quý II năm 2023. Tuy nhiên, đến nay, đã quý III năm 2023 và chỉ còn không quá 01 tháng, nhưng Thủ tướng Chính phủ vẫn chưa ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

Sở Công Thương kiến nghị Bộ Công Thương sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

Bộ Công Thương đã hoàn thành xây dựng dự thảo Nghị định về quản lý, phát triển CCN (thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP); theo đó, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung quy định về việc chuyển đổi chủ đầu tư CCN và việc xử lý đối với CCN có công trình hạ tầng kỹ thuật hình thành từ ngân sách

nhà nước. Về tiến độ xây dựng Nghị định, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ xem xét ban hành tại Tờ trình số 3842/TTr-BCT ngày 20/6/2023 và Tờ trình số 6032/TTr-BCT ngày 31/8/2023 (sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

5. Kiến nghị (Sở Công Thương Long An)

Theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của ND 68/2017/NĐ-CP: *Diện tích đất công nghiệp là diện tích đất của cụm công nghiệp có thể cho doanh nghiệp thuê, thuê lại để thực hiện sản xuất, kinh doanh, được xác định trong quy hoạch chi tiết do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.* Và tại Khoản 10 Điều 2 quy định: *Tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp là tỷ lệ % của diện tích đất công nghiệp đã cho các tổ chức, cá nhân thuê, thuê lại để sản xuất, kinh doanh trên tổng diện tích đất công nghiệp của cụm công nghiệp.*

Khi tính diện tích đất công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy các CCN của tỉnh thì Sở Công Thương Long An phát sinh một số vướng mắc như sau:

Một là, Khi tính diện tích đất công nghiệp để tính tỉ lệ lấp đầy: chưa rõ là chỉ tính diện tích các CCN đã hoạt động hay tính tất cả CCN đã được thành lập. Thực trạng trên địa bàn tỉnh có 44 CCN được thành lập, trong đó có 17 CCN đã hoạt động nên có đất công nghiệp đủ điều kiện có thể cho thuê, còn 27 CCN đang thực hiện các thủ tục đất đai, xây dựng,... để xây dựng hạ tầng kỹ thuật nên chưa có đất công nghiệp đủ điều kiện có thể cho thuê, có trường hợp CCN đã được thành lập nhưng chưa được phê duyệt quy hoạch xây dựng nên chưa thể xác định được đất công nghiệp của CCN?

Hai là, tỉnh Long An đang hiểu tính tỷ lệ lấp đầy CCN là tỷ lệ diện tích đất công nghiệp đã cho các tổ chức, cá nhân thuê, thuê lại để sản xuất, kinh doanh trên tổng diện tích đất công nghiệp của các CCN đang hoạt động. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh vẫn còn 05 CCN đã tiếp nhận đầu tư nhưng do vướng GPMB, nên chưa đưa 100% diện tích dự án vào hoạt động. Trường hợp này, lại phát sinh thêm vướng mắc tỷ lệ lấp đầy CCN được tính trên tổng diện tích diện tích đất công nghiệp của cụm công nghiệp theo quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt hay chỉ tính trên diện tích đất công nghiệp đã hoàn chỉnh hạ tầng, đủ điều kiện để cho thuê?

Ba là, hiện tại Quy hoạch tỉnh Long An đã được phê duyệt, trong đó, phương án phát triển CCN tỉnh được bổ sung phát triển thêm 28 CCN mới, hiện tại, thủ tục thành lập CCN vẫn triển khai theo Nghị định 68/2017/NĐ-CP và Nghị định 66/2020/NĐ-CP trong thời gian chờ Nghị định thay thế ban hành. Tuy nhiên, khi hướng dẫn các địa phương cấp huyện thủ tục thành lập CCN thì lại vướng mắc cách hiểu tại điểm c, khoản 1, Điều 10 của ND 68/2020/NĐ-CP quy định điều kiện thành lập CCN: *“Trong trường hợp địa bàn cấp huyện đã thành lập cụm công nghiệp thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp nhỏ hơn 50 ha”*.

Theo quy định này thì *tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp* được hiểu đúng là tính trên các CCN đã hoạt động hay tính trên các CCN đã thành lập?

và điều kiện *tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các cụm công nghiệp* được hiểu là tổng quỹ đất công nghiệp đã hoàn chỉnh hạ tầng đủ điều kiện cho thuê hay là tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của CCN hoạt động, CCN thành lập theo quy hoạch chi tiết được duyệt?

Đề nghị Bộ Công Thương có hướng dẫn cụ thể các tính diện tích đất công nghiệp, tỉ lệ lấp đầy đề Sở Công Thương Long An có cơ sở triển khai thực hiện.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

Điều c, khoản 1, Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP quy định một trong những điều kiện thành lập CCN như sau: *“Trong trường hợp địa bàn cấp huyện đã thành lập CCN thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các CCN đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các CCN nhỏ hơn 50 ha”*; theo đó, tỉ lệ lấp đầy trung bình hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê xác định đối với các CCN đã thành lập trên địa bàn cấp huyện. Đề nghị Sở Công Thương tỉnh Long An triển khai thực hiện theo các quy định trên.

Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của các địa phương, Bộ Công Thương đã nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi quy định về điều kiện thành lập CCN trong dự thảo Nghị định về quản lý, phát triển CCN (thay thế Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP), báo cáo Chính phủ tại Tờ trình số 6032/TTr-BCT ngày 31/8/2023 và Tờ trình số 6032/TTr-BCT ngày 31/8/2023 (sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp). Theo đó, điều kiện nêu trên được sửa đổi thành: *“Trong trường hợp địa bàn cấp huyện đã thành lập CCN thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các CCN đạt trên 50% hoặc tổng quỹ đất công nghiệp chưa cho thuê của các CCN nhỏ hơn 100 ha”*

III. Lĩnh vực hóa chất, vật liệu nổ Công nghiệp, vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm, an toàn hoạt động dầu khí

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Tiền Giang)

Căn cứ Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương. Trong quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, Sở Công Thương Tiền Giang kính đề nghị Bộ Công Thương có hướng dẫn về thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất, như sau:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn

thi hành một số điều của Luật Hóa chất : “Sửa đổi Điều 10:

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất

c) Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;...

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

d) Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;...

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh

d) Bản sao quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành đối với từng cơ sở sản xuất, kho chứa hóa chất;...”

Tuy nhiên, theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối tượng phải đăng ký môi trường được quy định tại Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường, gồm:

“a) Dự án đầu tư có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường;

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc nhận bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đăng ký môi trường.”

Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất (cá nhân, hộ gia đình,...) thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thì sẽ không cung cấp được thành phần hồ sơ “Bản sao quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành”.

Các cơ sở này không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (do không thuộc đối tượng quy định tại Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường); đồng thời, Bản đăng ký môi trường của cơ sở chỉ được Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận trực tiếp (có đóng dấu văn bản đến) hoặc qua đường bưu điện hoặc nhận bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đăng ký môi trường mà không có văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định.

Trả lời (Cục Hóa chất):

Về việc cung cấp thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất:

- Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, đề nghị Sở Công Thương Tiền Giang thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng đăng ký môi trường theo Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường, đề nghị cung tài liệu chứng minh đã đăng ký môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Bà Rịa Vũng Tàu)

Bộ Công Thương ban hành quy định, hướng dẫn cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động dầu khí tại địa phương theo quy định của pháp luật, chế độ báo cáo và các biểu mẫu báo cáo liên quan đến hoạt động dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cần phải gửi về cho Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trả lời (Vụ Dầu khí và than):

Tại khoản 5 Điều 62 Luật Dầu khí năm 2022 đã quy định nghĩa vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam "*Báo cáo các hoạt động dầu khí với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền định kỳ hoặc theo yêu cầu*". Ngoài ra việc báo cáo sẽ tuân thủ các quy định của các hệ thống văn bản pháp luật khác như: bảo vệ môi trường, tài nguyên môi trường biển và hải đảo...

3. Kiến nghị (Sở Công Thương Long An)

a) Về việc xây dựng Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố (PNUPSC) hóa chất; xây dựng các tài liệu quản lý an toàn; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trong hoạt động dầu khí:

- Thông tư số 40/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 của Bộ Công Thương đã quy định tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến lĩnh vực dầu khí phải xây dựng các tài liệu quản lý an toàn và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, chấp thuận. Bên cạnh đó, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dầu khí còn phải thực hiện các quy định khác về quản lý an toàn, cụ thể:

+ Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh khí phải xây dựng Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định tại Điều 20, 21 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ (do các khí hóa lỏng đặc biệt dễ cháy (bao gồm cả LPG) và khí thiên nhiên thuộc Phụ lục IV (có số thứ tự 136) kèm theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP).

+ Đối với tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến xăng, dầu phải xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Như vậy, các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dầu khí (*trong đó có các trạm nạp LPG vào chai*) phải đồng thực hiện các quy định quản lý an toàn theo các quy định nêu trên. Điều này gây ra khó khăn cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dầu khí cũng như trùng lặp nội dung trong công tác quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí. Kiến nghị Bộ Công Thương xem xét, điều chỉnh theo hướng thống nhất chỉ còn một quy định chung về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí và không làm phát sinh thủ tục hành chính đối đối với quy định này nhằm tạo điều kiện thuận lợi, tinh giảm thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dầu khí trong quá trình hoạt động cũng như công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền.

Trả lời (Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp):

Do đặc thù của lĩnh vực dầu khí nên các quy định liên quan đến việc xây dựng Kế hoạch hoặc Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất; xây dựng các tài liệu quản lý an toàn; Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trong hoạt động dầu khí hiện được quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu và đề xuất khi xây dựng, sửa đổi các văn bản có liên quan.

b) Đối với quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp:

Theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất không có kho chứa hóa chất được sử dụng kho chứa của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ.

Hiện nay, các tổ chức, cá nhân có kinh doanh hóa chất theo hình thức như trên khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện, trong hồ sơ chỉ nộp hợp đồng nguyên tắc về mua, bán hóa chất với một đơn vị kinh doanh hóa chất đã được cấp Giấy chứng nhận. Nhưng trong hoạt động thực tế thì các tổ chức, cá nhân sau khi được cấp Giấy chứng nhận đã ký hợp đồng mua hóa chất với nhiều đơn vị khác không phải là đơn vị trong hợp đồng nguyên tắc đã ký được nộp trong hồ sơ. Mặt khác, không có quy định các tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất trong trường hợp này có trách nhiệm thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi phát sinh việc mua hóa chất tại đơn vị khác (ngoài giấy đối tác được ghi trong giấy chứng nhận) để kinh doanh. Vì vậy, cơ quan quản lý nhà nước địa phương gặp khó khăn trong việc quản lý các đối tượng này. Kiến nghị Bộ Công Thương quy định cụ thể hơn đối với trường hợp này để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng liên quan và phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân.

Trả lời (Cục Hóa chất):

Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định tổ chức, cá nhân có trách nhiệm duy trì đủ điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Điểm a khoản 7 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định, trường hợp có thay đổi địa điểm kinh doanh hóa chất ghi trong Giấy chứng nhận được cấp, tổ chức, cá nhân cần thực hiện thủ tục cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận. Trường hợp Sở Công Thương phát hiện tổ chức, cá nhân kinh doanh không đúng địa điểm, quy mô, chủng loại hóa chất ghi trong Giấy chứng nhận, đề nghị xử phạt vi phạm hành chính theo các quy định tại Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp và Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí.

c) Về đối tượng huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất:

Tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất có trách nhiệm tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất cho người lao động và đã quy định cụ thể đối tượng huấn luyện, nội dung huấn luyện an toàn hóa chất,...

Bên cạnh đó, tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP và Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH thì hoạt động sản xuất, sử dụng, bảo quản, vận chuyển hóa chất thuộc đối tượng huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động (nhóm 3) theo quy định của Luật

An toàn, vệ sinh lao động năm 2015.

Như vậy, doanh nghiệp hoạt động hóa chất phải thực hiện đồng thời 02 quy định và công tác huấn an toàn có nội dung tương tự như nhau, điều này dễ dẫn đến sự nhầm lẫn của doanh nghiệp trong công tác huấn luyện. Vì vậy đề nghị Bộ Công Thương phối hợp với Bộ LĐTBXH thống nhất quy định công tác huấn luyện an toàn hóa chất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động hóa chất trong công tác huấn luyện an toàn cho người lao động.

Trả lời (Cục Hóa chất):

Hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người lao động và gây mất an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất. Huấn luyện về an toàn hóa chất mang tính chuyên sâu, nhận diện các nguy cơ sự cố đối với từng hóa chất trong cơ sở sản xuất, kinh doanh để có biện pháp ứng cứu kịp thời khi có sự cố hóa chất. Do đó, các cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất phải thực hiện huấn luyện cho các đối tượng theo quy định tại Chương VI Nghị định 113/2017/NĐ-CP. Người huấn luyện an toàn hóa chất phải có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc về an toàn hóa chất.

Tại khoản 2 Điều 31 quy định “2. *Hoạt động huấn luyện an toàn hóa chất có thể được tổ chức riêng hoặc kết hợp với các hoạt động huấn luyện an toàn khác được pháp luật quy định*”. Như vậy, doanh nghiệp có thể kết hợp huấn luyện an toàn hóa chất và huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, tuy nhiên về nội dung huấn luyện và người huấn luyện an toàn hóa chất cần đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

d) Đề nghị Bộ Công Thương sớm ban hành quy định cụ thể về khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, cất giữ và sử dụng hóa chất nguy hiểm nhằm tạo thuận lợi trong việc triển khai, quản lý an toàn hóa chất tại các địa phương.

Trả lời (Cục Hóa chất):

Về nội dung xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật về khoảng cách an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, cất giữ, sử dụng hóa chất nguy hiểm, Bộ Công Thương đã xây dựng dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn quốc gia về khoảng cách an toàn đối với các cơ sở, dự án hóa chất nguy hiểm. Tuy nhiên, khi xem xét đánh giá tác động đối với tình hình thực tế phát hiện nhiều bất cập và tác động lớn đến các cơ sở hóa chất đang hoạt động do yếu tố lịch sử để lại. Ngoài ra, chi phí để triển khai quy hoạch khoảng cách an toàn hóa chất là vô cùng lớn, cần có lộ trình thực hiện và phải có sự phối hợp của nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước. Do đó, trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi

các quy định về khoảng cách an toàn trong Luật Hóa chất và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để đảm bảo an toàn trong hoạt động hóa chất đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam.

e) Công tác ứng phó sự cố hóa chất rất quan trọng trong công tác đảm bảo an toàn của hoạt động hóa chất, tuy nhiên kinh nghiệm về công tác ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh cũng như cấp cơ sở thời gian qua chủ yếu do các địa phương, doanh nghiệp tự nghiên cứu thực hiện nên đôi khi chưa đảm bảo về quy trình, trang thiết bị, nghiệp vụ chuyên môn sẽ dẫn đến hiệu quả ứng phó sự cố không cao. Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương quan tâm tổ chức các lớp tập huấn về công tác ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh, cấp cơ sở cho các Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất nhằm chuẩn hóa quy trình, trang thiết bị ứng phó, đảm bảo hiệu quả khi ứng phó sự cố hóa chất trên thực tế.

Trả lời (Cục Hóa chất):

Bộ Công Thương ghi nhận ý kiến của Sở Công Thương Long An cần phải tổ chức các lớp tập huấn công tác ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh, cấp cơ sở cho các Sở Công Thương. Trong thời gian vừa qua Cục Hóa chất đã phối hợp với một số Sở Công Thương như: Phú Thọ, Hưng Yên, Hải Dương... tổ chức tập huấn, diễn tập ứng phó sự cố hóa chất độc cấp tỉnh, tuy nhiên số lượng chưa nhiều do nguồn kinh phí hạn hẹp. Thời gian tới Bộ Công Thương sẽ xem xét xây dựng Kế hoạch tổ chức tập huấn, diễn tập nâng cao kỹ năng về phòng ngừa để triển khai đến các Sở Công Thương.

g) Về xây dựng, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh và Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất độc:

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét, thống nhất lồng ghép nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh (theo Chỉ thị 03/CT-TTg 05/3/2013) và Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất độc (theo Quyết định số 26/2016/QĐ-TTg và Quyết định số 04/2020/QĐ-TTg) thành một Kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh chung tại địa phương. Đồng thời, đề nghị Bộ Công Thương giao thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch này cho địa phương trên cơ sở lấy ý kiến góp ý của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan như đã được quy định tại Quyết định số 26/2016/QĐ-TTg trước đây để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương trong quá trình xây dựng, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất của tỉnh.

Trả lời (Cục Hóa chất):

Bộ Công Thương ghi nhận ý kiến của Sở Công Thương Long An. Hiện nay Bộ Công Thương đã xây dựng và trình Chính phủ hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Hóa chất (sửa đổi), trong quá trình xây dựng Bộ Công Thương sẽ giao Cục Hóa chất nghiên cứu, tham mưu xây dựng Chính sách trong Luật theo hướng tích

hợp các quy định quản lý tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai.

h) Hàng năm, Sở Công Thương Long An có nhận được các văn bản triển khai về công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động của Bộ Công Thương, UBND tỉnh. Sở Công Thương đã tham gia phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội triển khai và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định nhưng chỉ dừng ở việc tuyên truyền và tham gia phối hợp kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động tại doanh nghiệp khi có yêu cầu.

Để công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động của ngành công thương được đầy đủ, tránh trường hợp buông lỏng quản lý. Qua rà soát quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động, Sở Công Thương Long An có vướng mắc, kiến nghị Bộ Công Thương hướng dẫn như sau:

- Tại điểm d khoản 1 Điều 33 quy định “*d) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động có liên quan đến thiết bị áp lực, thiết bị nâng đặc thù chuyên ngành công nghiệp, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, trang thiết bị khai thác mỏ, dầu khí, trừ các thiết bị, phương tiện thăm dò, khai thác trên biển*”.

- Tại khoản 2 Điều 30 quy định “*2. Khi đưa vào sử dụng hoặc không còn sử dụng, thải bỏ các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tổ chức, cá nhân phải khai báo với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) tại nơi sử dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 của Luật này, trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác*”.

Vì vậy, đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn việc tiếp nhận khai báo đưa vào sử dụng hoặc không còn sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh là do Sở Công Thương tiếp nhận hay Sở Lao động-Thương binh và Xã hội?

Đồng thời, kiến nghị Bộ Công Thương hướng dẫn cụ thể hơn về trách nhiệm, nội dung quản lý của Sở Công Thương trong công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động, nhất là đối với các tổ chức, cá nhân có sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương tại địa phương.

Trả lời (Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp):

Việc khai báo sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được quy định tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật

An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động và được sửa đổi tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể như sau:

“2. Khai báo đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại địa phương bằng hình thức nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, trừ pháp luật chuyên ngành có quy định khác.”

Mẫu công văn khai báo sử dụng máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động được quy định tại Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 .

Về trách nhiệm, nội dung quản lý của Sở Công Thương trong công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động được quy định tại một số văn bản sau đây:

- Khoản 6, Điều 43 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều thi hành của Luật An toàn, vệ sinh lao động: *“6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc phối hợp giữa các Sở, Ban, ngành thuộc địa phương trong thanh tra, kiểm tra về an toàn, vệ sinh lao động tại địa phương”*.

- Điều 16 Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 04/2022/TT-BCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 15/2023/TT-BCT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương.

IV. Lĩnh vực khuyến công

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

(1) Ngày 01 tháng 8 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình

mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 (Chương trình OCOP). Các sản phẩm của địa phương tham gia Chương trình OCOP trong đó có sản phẩm tham gia Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, vì vậy trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ sở công nghiệp nông thôn chưa quan tâm vào hoạt động Bình chọn, chỉ tập trung cho Chương trình OCOP. Ngoài ra, về hồ sơ, tiêu chí và quy trình đánh giá của 02 hoạt động này cũng mang tính tương đồng. Vì vậy, đề xuất Bộ Công Thương xem xét, trao đổi để thống nhất chỉ thực hiện 01 hoạt động cho địa phương tổ chức thực hiện.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

- Đối với Chương trình OCOP: Đây là chương trình thực hiện với mục tiêu phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp, nhiệm vụ trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trọng tâm của chương trình OCOP là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị, do các thành phần kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ sản xuất) và kinh tế tập thể thực hiện.

Hiện nay, Chương trình OCOP được thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật sau: Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ Tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số phụ lục Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019; Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Đối với chương trình bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu: Đây là chương trình được thực hiện nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội, lao động ở các địa phương.

Hiện chương trình đang triển khai theo Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về công tác khuyến công; Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu và Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT và các Chương trình khuyến công giai đoạn như Quyết định

số 1881/QĐ-TTg ngày 20/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2021-2025

(2) Theo Luật số 50/2005/QH11 và số 36/2009/QH12 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ kể từ ngày được Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận, đơn đăng ký nhãn hiệu được xem xét theo trình tự sau: Thời gian thẩm định hình thức là 01 tháng kể từ ngày nộp đơn (Khoản 15 Điều 1 Luật số 36/2009/QH12); Thời gian công bố đơn trên công báo sở hữu công nghiệp là 02 tháng sau thời điểm có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ (Khoản 3, Điều 110 Luật số 50/2005/QH11); Thời gian thẩm định nội dung là 09 tháng kể sau thời điểm công bố đơn (Khoản 15 Điều 1 Luật số 36/2009/QH12). Như vậy, tổng thời gian đăng ký nhãn hiệu theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ là 12 tháng tính từ ngày nộp đơn. Tuy nhiên, trên thực tế quá trình thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung, thẩm định lại... nên hầu hết các cơ sở, doanh nghiệp đã thực hiện cho việc đăng ký nhãn hiệu thường kéo dài từ 18 – 20 tháng kể từ khi nộp đơn. Ngoài ra, thời gian đăng ký nhãn hiệu cũng có thể kéo dài từ 02 – 03 năm, nếu có tranh chấp của bên thứ ba (xuất hiện trong giai đoạn công bố đơn). Điều này làm cho nội dung hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu gặp khó khăn, do đối với nguồn khuyến công địa phương chỉ thực hiện trong năm tài chính. Vì vậy, đề xuất Bộ Công Thương chỉ đạo bộ phận chuyên môn có văn bản hướng dẫn để các tỉnh tổ chức thực hiện.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

Hiện nay, các đề án về hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu ít được triển khai vì vướng mắc thời gian từ khi đăng ký đến khi được cấp giấy chứng nhận. Do vậy, để lựa chọn hỗ trợ nội dung đề án đăng ký nhãn hiệu đề nghị các địa phương phải lựa chọn các nhãn hiệu của các cơ sở công nghiệp nông thôn đăng ký và hoàn thành trong năm tài chính để hỗ trợ. Theo quy định hiện hành nguồn kinh phí khuyến công thuộc nguồn sự nghiệp kinh tế, không sử dụng hết trong năm phải trả lại NSNN và không được chuyển số dư sang năm sau.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Bà Rịa – Vũng Tàu)

Bộ Công Thương sớm ban hành khung định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động khuyến công để làm cơ sở cho các địa phương áp dụng.

3. Kiến nghị (Sở Công Thương Long An)

Ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung quy trình cung cấp dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật và hướng dẫn triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khuyến công.

4. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

Sở Công Thương đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt 15 danh mục hoạt động dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách. Trong đó 14 dịch vụ thuộc lĩnh vực khuyến công và xúc tiến thương mại và 01 dịch vụ thuộc lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, hiệu quả.

Ngày 15/11/2018, Bộ Công Thương ban hành Thông tư 47/2018/TT-BCT, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, đồng thời Bộ Công Thương đã giao các đơn vị trực thuộc chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng hoạt động và phải hoàn thành chậm nhất đến ngày 01/01/2020 nhưng đến nay định mức vẫn chưa ban hành, vì vậy các địa phương gặp khó khăn và còn lúng túng trong việc tham mưu xây dựng, thẩm định đề trình ban hành và phối hợp tổ chức áp dụng định mức.

Từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, kiến nghị Bộ Công Thương ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước lĩnh vực ngành Công Thương để làm cơ sở cho các địa phương áp dụng.

Trả lời kiến nghị 2,3,4 (Cục Công Thương địa phương):

- Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 47/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ Công Thương.

Bộ Công Thương xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động khuyến công quốc gia cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ (Trung tâm Khuyến công vùng, Trung tâm Khuyến công quốc gia), các tổ chức dịch vụ khuyến công trong khâu triển khai hoạt động khuyến công quốc gia. Do đó, định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động khuyến công quốc gia chỉ áp dụng đối với Trung tâm Khuyến công vùng, Trung tâm Khuyến công quốc gia, các tổ chức dịch vụ khuyến công.

- Định mức kinh tế - kỹ thuật của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Là định mức kinh tế - kỹ thuật do các địa phương tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành đối với các ngành, nghề theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp, thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Định mức kinh tế - kỹ thuật do địa phương ban hành chỉ có hiệu lực áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương.

Trên cơ sở dựa trên quy định tại khoản 2, Điều 37 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định “UBND tỉnh có trách nhiệm ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ...”. Vì vậy, để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật cho từng đơn vị sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt động khuyến công địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan tham mưu xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành danh mục sự nghiệp công, định mức kinh tế kỹ thuật sử dụng ngân sách nhà nước trong hoạt

động khuyến công địa phương gắn với tính chất, đặc thù quản lý của địa phương.

5. Kiến nghị (Sở Công Thương Bà Rịa – Vũng Tàu)

Cục Công Thương địa phương tham mưu Bộ Công Thương có chính sách, giải pháp đủ mạnh và kết nối các địa phương thực hiện quảng bá, giới thiệu sản phẩm CNNT tiêu biểu nhằm xây dựng thương hiệu cho sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp.

Trả lời (Cục Công Thương địa phương):

Phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu là một trong những nội dung quan trọng của hoạt động khuyến công; sản phẩm được công nhận là sản phẩm CNNT tiêu biểu (các cấp) ngoài việc được hưởng các chính sách, quyền lợi như quy định tại Thông tư số: 26/2014/TT-BCT ngày 28/28/2014 và Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 đã và đang tiếp tục được Bộ Công Thương ưu tiên xây dựng, thực hiện đồng bộ các kế hoạch cụ thể nhằm hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu. Tiếp nhận, tổng hợp ý kiến đề xuất của địa phương, Cục CTĐP tiếp tục là đầu mối, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan (Vụ TTTN, Cục TMĐT & KTS, Cục XTTM...) nghiên cứu, đề xuất, trình ban hành các chính sách, giải pháp đồng bộ nhằm kết nối với các địa phương thực hiện kế hoạch hỗ trợ phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu các cấp.

PHẦN C - LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

I. Về hạ tầng thương mại (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại)

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

Bộ Công Thương đề xuất, kiến nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 về phát triển và quản lý chợ:

Lý do: Còn nhiều bất cập cần sửa đổi như Nghị định chưa quy định cụ thể về quy trình chuyển đổi chợ, chưa quy định về xử lý chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ, về đất đai, về đấu thầu,... Đồng thời, Sở Công Thương đã có nhiều kiến nghị đề xuất và đã có văn bản đóng góp dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 02 và Nghị định số 114 về phát triển và quản lý chợ, và đã có kiến nghị tại cuộc tiếp xúc cử tri ngành công thương trước kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Cà Mau)

Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ được ban hành và thực hiện thời gian dài. Đến nay, qua rà soát nhiều quy định đã được sửa đổi, thay thế như: quy định về quy hoạch, đầu tư xây dựng,...; thực tiễn phát sinh nhiều bất cập, nhiều nội dung chưa được quy định cụ thể như các quy định về thẩm quyền, trình tự thực hiện phân hạng chợ, trình tự phê duyệt nội quy chợ, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước,... gây khó khăn cho công tác quản lý về hoạt động đầu tư, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn tỉnh.

Kiến nghị Bộ Công Thương: (1) Sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; (2) Có văn bản hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự thực hiện phân hạng chợ, trình tự phê duyệt nội quy chợ đối với các chợ được đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa. Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ chỉ quy định UBND các cấp quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Ban Quản lý chợ đối với các chợ do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng chưa quy định đối với các chợ được đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa.

3. Kiến nghị (Sở Công Thương Bà Rịa – Vũng Tàu)

Bộ Công Thương sớm trình Chính phủ xem xét, sửa đổi bổ sung Nghị định về phát triển và quản lý chợ để phù hợp với tình hình phát triển trong giai đoạn hiện nay.

Trả lời kiến nghị 1,2,3 (Vụ Thị trường trong nước):

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2020, thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại Công văn số 4676/VPCP-KTTH ngày 14/7/2021 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 8525/BCT-TTTN ngày 30/12/2022 về việc ban hành Nghị định của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ trình Chính phủ xem xét thông qua và Báo cáo tiếp thu giải trình Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp số 210/BCT-TTTN ngày 30/12/2022) theo đúng kế hoạch tại Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2022 (ban hành kèm theo Công văn số 509/VPCP-TH ngày 19/01/2022 của Văn phòng Chính phủ).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Công văn số 1606/VPCP-KTTH ngày 13/3/2023 của Văn phòng Chính phủ về dự thảo Nghị định của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, ngày 21/3/2023, tại trụ sở Bộ Công Thương, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên đã chủ trì cuộc họp giữa các Bộ: Công Thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Xây dựng để thống nhất một số nội dung của dự thảo Nghị định của Chính phủ về Phát triển và quản lý chợ. Ngày 30/3/2023, Bộ Công Thương đã có Công văn số 1816/BCT-TTTN báo cáo Phó thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về kết quả rà soát, thống nhất và hoàn thiện các nội dung theo Công văn số 1606/VPCP-KTTH.

Ngày 29/5/2023, Bộ Công Thương có Công văn số 3273/BCT-TTTN gửi Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đầu tư công đối với chợ, theo đó đề nghị Chính phủ xem xét chỉ đạo việc ban hành Nghị định về Phát triển và quản lý chợ (thay thế Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP).

Ngày 03/7/2023 Phó thủ tướng Lê Minh Khái chủ trì cuộc họp với các Bộ: Công Thương, Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng để báo cáo về

dự thảo Nghị định phát triển và quản lý chợ và có Thông báo kết luận số 262/TB-VPCP kết luận ngày 06/7/2023.

Ngày 17/7/2023, Bộ Công Thương có Tờ trình Chính phủ số 4673/TTr-BCT ngày 17/7/2023 về việc rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

Trên cơ sở nội dung tại các văn bản: Công văn số 5904/VPCP-KTTH ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ V/v rà soát, hoàn thiện Dự thảo Nghị định của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, Công văn số 5715/BKHĐT-KTCNDV ngày 19/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công văn số 8438/BTC-QLCS ngày 9/8/2023 của Bộ Tài chính về việc phối hợp rà soát Chương IV dự thảo Nghị định phát triển và quản lý chợ, ý kiến của các đơn vị trong Bộ Công Thương. Ngày 11/9/2023, Bộ Công Thương có Tờ trình Chính phủ số 6255/TTr-BCT về việc tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

4. Kiến nghị (Sở Công Thương Long An)

Ngày 03/9/2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (viết tắt Nghị định 83) về kinh doanh xăng dầu, theo đó tại khoản 2, Điều 22 quy định “2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này”.

Ngày 01/11/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 95/2021/NĐ-CP (viết tắt Nghị định 95) về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2022.

Theo đó tại khoản 17, Điều 1 quy định khoản 2, Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau “2. Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ 05 năm (05) trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định này”.

Đồng thời, Bộ Công Thương có công văn số 7207/BCT-TTTN ngày 12 tháng 11 năm 2021 hướng dẫn “*Sửa quy định về sở hữu, đồng sở hữu, thuê cửa hàng xăng dầu: quy định về đồng sở hữu đã gây khó khăn cho cơ quan quản lý và doanh nghiệp trong việc xác định như thế nào là đồng sở hữu trong quá trình quản lý và đáp ứng quy định điều kiện kinh doanh. Do đó, Nghị định đã bỏ khái niệm đồng sở hữu, thay vào đó quy định chung về khái niệm sở hữu các cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu cho phù hợp với pháp luật hiện hành về các loại hình sở hữu. Theo đó, Nghị định đã quy định về sở hữu bao gồm sở hữu riêng và sở hữu chung theo phần (phù hợp với Luật Dân sự) với tỷ lệ sở hữu chung theo phần tối thiểu là 35% giá trị cơ sở vật chất*”.

Trong quá trình triển khai làm hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, Sở Công Thương Long An nhận được phản ánh các

khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp như sau:

(1) Thực hiện Nghị định 83, doanh nghiệp A và B đã thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức đồng sở hữu thời hạn hợp đồng góp vốn trên 10 năm, đã chuyển toàn bộ tiền góp vốn theo hợp tác; theo đó tại Nghị định 95 bỏ khái niệm đồng sở hữu nên doanh nghiệp khó khăn trong việc làm hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu vì hai doanh nghiệp không ký lại hợp đồng thuê hoặc thỏa thuận góp vốn ít nhất 35% theo quy định của Nghị định 95 do các nguyên nhân phát sinh về thuế, về giá trị góp...

Sở Công Thương Long An kiến nghị Bộ Công Thương xem xét hướng dẫn về việc hợp đồng hợp tác kinh doanh đồng sở hữu trước đây theo Nghị định 83 (trong hợp đồng không thể hiện tỷ lệ góp vốn ít nhất 35%) vẫn được chuyển tiếp chấp thuận khi làm hồ sơ cấp lại theo Nghị định 95 cho đến khi hợp đồng của 02 doanh nghiệp hết hiệu lực.

(2) Đối với hợp đồng hợp tác đồng sở hữu trước đây theo Nghị định 83 của 02 doanh nghiệp, khi nộp hồ sơ cấp lại theo Nghị định 95 thời hạn hợp đồng còn thời hạn dưới 05 năm thì tùy theo thời hạn hợp đồng có thể xem xét cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ cho doanh nghiệp theo thời hạn hợp đồng đã ký.

(3) Thực hiện theo Nghị định 95 có hướng dẫn quy định về sở hữu bao gồm sở hữu riêng và sở hữu chung theo phần (phù hợp với Luật Dân sự) với tỷ lệ sở hữu chung theo phần tối thiểu là 35% giá trị cơ sở vật chất: Theo đó tỷ lệ sở hữu tối thiểu 35% sẽ do hai doanh nghiệp tự định giá tài sản và tỷ lệ góp vốn bằng hợp đồng để đảm bảo điều kiện theo quy định có được không.

(4) Đối với trường hợp cấp giấy phép thương nhân phân phối xăng dầu, tại khoản 10, Điều 1 của Nghị định 95 doanh nghiệp phải tối thiểu có 05 cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn 05 năm, trong đó ít nhất 03 cửa hàng thuộc sở hữu: Từ điều kiện này có nhiều cửa hàng xăng dầu bán lẻ thực hiện sở hữu chung với doanh nghiệp khác để đủ hồ sơ làm điều kiện cấp thương nhân phân phối, sau khi thương nhân phân phối được cấp phép 05 năm lại thanh lý hợp đồng và thực hiện sở hữu chung với doanh nghiệp khác. Thực tế này làm cho thương nhân phân phối khả năng không đảm bảo điều kiện kinh doanh sau khi đã được cấp giấy phép 05 năm, đồng thời cửa hàng bán lẻ xăng dầu cũng không có sự ràng buộc nào trong giấy phép phân phối sau khi giấy phép phân phối được cấp. Do đó, Sở Công Thương báo cáo và kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét thêm trong công tác quản lý và cấp phép cho thương nhân phân phối được toàn diện hơn.

Trả lời (Vu Thị trường trong nước):

Liên quan đến nội dung đồng sở hữu, cấp giấy Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ bán lẻ xăng dầu và sở hữu 35%, tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu

(có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2022) đã có những quy định cụ thể như sau:

- Tại khoản 3 (Bổ sung khoản 17, khoản 18, khoản 19, khoản 20 vào Điều 3 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP) Điều 1 của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP:

“18. Sở hữu cơ sở vật chất kinh doanh xăng dầu (gồm cửa hàng bán lẻ xăng dầu, kho, phương tiện vận tải, cầu cảng, phương tiện tra nạp, phòng thử nghiệm và các phương tiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh xăng dầu) tại Nghị định này là việc chủ sở hữu sở hữu riêng hoặc sở hữu chung theo phần với tỷ lệ phần sở hữu tối thiểu 35% giá trị loại cơ sở vật chất tại thời điểm xác lập quyền sở hữu cơ sở vật chất đó.”

“19. Bỏ khái niệm “đồng sở hữu” quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.”

- Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP quy định: Đối với những hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp lại Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, các Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu, Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu gửi đến các cơ quan chức năng đầy đủ và hợp lệ trước ngày Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP có hiệu lực thì áp dụng các điều kiện về kinh doanh xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP. Những trường hợp nộp hồ sơ cấp các Giấy phép, Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận khác, áp dụng theo quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP.

II. Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và kinh doanh khí, kinh doanh rượu

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

(1) Bộ Công Thương đề xuất, kiến nghị Chính phủ sớm ban hành Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu

Trả lời (Vu Thị trường trong nước):

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020; Luật giá năm 2012; thực hiện Công văn số 4326/VPCP-KTTH ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương xây dựng Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thực hiện Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Thông báo số 30/TB-VPCP ngày 17 tháng 3 năm 2023; trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 549/TTr-BCT ngày 18 tháng 7 năm

2023 gửi Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Thực hiện Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Thông báo số 134/TB-VPCP ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công Thương đã hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu trình Chính phủ (Tờ trình số 678/TTr-BCT ngày 30 tháng 8 năm 2023).

(2) Về quyền và nghĩa vụ của thương nhân phân phối xăng dầu: Đề nghị giữ nguyên không sửa đổi Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ, nhằm đa dạng nguồn cung cấp xăng dầu cho hệ thống của thương nhân và tăng vị thế cho thương nhân trong quá trình đàm phán mua xăng dầu từ các thương nhân đầu mối và thương nhân phân phối.

Trả lời (Vu Thị trường trong nước):

Tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu trình Chính phủ ngày 30 tháng 8 năm 2023 không sửa đổi quyền và nghĩa vụ của thương nhân phân phối xăng dầu

(3) Về nội dung quy định mức chiết khấu tối thiểu trong kinh doanh xăng dầu: Đề xuất sửa đổi Nghị định theo phương án 2 tại dự thảo Tờ trình, nhằm đảm bảo mức chi phí thực tế phát sinh của các doanh nghiệp trong giá cơ sở xăng dầu, nhằm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh xăng dầu, giúp duy trì nguồn cung xăng dầu cho thị trường.

Trả lời (Vu Thị trường trong nước)

Thông tư số 104/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định: “Chi phí kinh doanh xăng dầu định mức là khoản chi phí tổng hợp tối đa chỉ có giá trị để tính giá cơ sở xăng dầu theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP. Khoản chi phí kinh doanh xăng dầu định mức là chi phí lưu thông xăng dầu trong nước (chi phí bán buôn, chi phí bán lẻ ở nhiệt độ thực tế) của các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu (đã bao gồm chi phí dành cho thương nhân phân phối, thương nhân nhận quyền bán lẻ, tổng đại lý, đại lý xăng dầu) để tính giá cơ sở theo mức tối đa”. Như vậy, mức chiết khấu cho đầy đủ các đối tượng có liên quan khi tham gia vào chuỗi cung ứng xăng dầu đã được tính trong chi phí kinh doanh xăng dầu định mức.

Mức chiết khấu là khoản chênh lệch giá mua, giá bán và do các doanh nghiệp tự thỏa thuận trong hợp đồng trên cơ sở: phát triển hệ thống phân phối; quy mô, sản lượng tiêu thụ; phương thức thanh toán; điều kiện giao hàng và quan hệ mua bán giữa các doanh nghiệp. Chiết khấu cũng là một trong những yếu tố cạnh tranh

quan trọng giữa các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu để mở rộng thị phần của mình.

Hiện nay, thương nhân tham gia trong chuỗi kinh doanh xăng dầu dưới các loại hình: thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu, thương nhân phân phối xăng dầu, tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý bán lẻ xăng dầu, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu. Nếu quy định mức chiết khấu riêng cho đại lý bán lẻ xăng dầu thì cũng phải quy định tương tự cho các loại hình thương nhân khác trong chuỗi kinh doanh xăng dầu. Quy định như vậy sẽ hạn chế tính linh hoạt cũng như hạn chế cạnh tranh về chi phí giữa các thương nhân. Do đó không cần phải quy định mức chiết khấu cụ thể tại công thức tính giá cơ sở xăng dầu.

(4) Đề nghị dự thảo sửa đổi, bổ sung thêm các nội dung khác như:

- Quy định rõ các trường hợp Sở Công Thương chấp thuận bằng văn bản cho doanh nghiệp tạm dừng bán hàng với thời gian dưới một tháng và thời gian trên một tháng. (Ví dụ như: Trường hợp Doanh nghiệp xin tạm ngừng bán hàng đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu để cải tạo, sửa chữa đáp ứng các điều kiện theo quy định tại QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu. Sở Công Thương chấp thuận bằng văn bản cho doanh nghiệp tạm ngừng bán hàng, để cải tạo, sửa chữa với thời gian dưới một tháng theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên, đối với các trường hợp cải tạo, sửa chữa lớn, doanh nghiệp không thể hoàn thành tiến độ trong thời gian dưới một tháng theo chấp thuận của Sở Công Thương, doanh nghiệp tiếp tục có văn bản gửi Sở Công Thương xin gia hạn thời gian tạm dừng bán hàng để hoàn thành cải tạo, sửa chữa cửa hàng. Như vậy, Sở Công Thương tiếp tục chấp thuận bằng văn bản cho doanh nghiệp tạm dừng bán hàng hay phải thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu do ngừng bán hàng liên tục từ 01 tháng trở lên theo quy định tại Khoản 6 Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu).

Trả lời (Vu Thị trường trong nước):

Tại khoản 6 Điều 25 của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu quy định: Sở Công Thương có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu. Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu bị thu hồi trong các trường hợp: Thương nhân không tiếp tục hoạt động kinh doanh xăng dầu trong thời gian từ một (01) tháng trở lên; thương nhân bị phá sản theo quy định của pháp luật; không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Điều 24 của Nghị định này; thương nhân vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm quy định về bảo đảm số lượng, chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường tại Nghị định này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Do đó, đề nghị các Sở Công Thương thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận

cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo đúng quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Quy định rõ về trình tự thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu,... (do Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và Nghị định số 95/2021/NĐ-CP không quy định cụ thể về trình tự thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu).

Trả lời (Vu Thị trường trong nước):

Việc thu hồi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu, Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu căn cứ các trường hợp đã được quy định Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Đồng thời, việc thu hồi các Giấy xác nhận, Giấy chứng nhận nêu trên không phải thủ tục hành chính, do đó không cần quy định trình tự, thủ tục thu hồi các Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận nêu trên.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Đồng Nai)

Về hướng dẫn hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (Sở Công Thương đã có các Văn bản số 1553/SCT-CN ngày 31/3/2023 và số 4439/SCT-CN ngày 06/07/2023 đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, tuy nhiên chưa nhận được phản hồi của Bộ):

Để có căn cứ cho Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá cho các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh xin cấp giấy phép, nhưng không trồng cây thuốc lá tại địa phương mà có hợp đồng liên kết đầu tư trồng cây thuốc lá với doanh nghiệp ở các tỉnh khác; ngày 17/8/2017, Sở Công Thương Đồng Nai đã có công Văn số 2975/SCT-CN về việc đề nghị hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, và đã nhận được Văn bản trả lời số 60/CN ngày 17/10/2017 của Cục Công nghiệp - Bộ Công Thương. Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai đã nghiên cứu, áp dụng trong việc xem xét, xử lý hồ sơ của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, trong quá trình cấp phép, quản lý nhà nước về kinh doanh thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá trên địa bàn tỉnh, Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai nhận thấy một số bất cập trong việc xử lý hồ sơ cấp phép cho doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai có liên kết đầu tư với doanh nghiệp trên địa bàn khác, như sau:

- Về thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép:

+ Căn cứ khoản 6 Điều 8 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây

thuốc lá, bao gồm: “6. *Bản sao hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá và bản kê tổng hợp diện tích trồng, dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá.*”

+ Tuy nhiên, Nghị định và các văn bản liên quan chưa có hướng dẫn về hợp đồng liên kết đầu tư trồng, bao tiêu nguyên liệu thuốc lá, đồng thời chưa có hướng dẫn về nội dung, tính chất các hợp đồng đầu tư trồng và hợp đồng liên kết đầu tư trồng, bao tiêu nguyên liệu thuốc lá. Do trong thực tế phát sinh trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng liên kết đầu tư để mua lại lá thuốc lá sau khi được thu hoạch xong, không tham gia các hoạt động trồng chăm sóc, thu hoạch thuốc lá.

- Phát sinh nguy cơ bị trùng lặp về quản lý diện tích trồng cây thuốc lá được cấp phép giữa các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương:

+ Căn cứ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá theo điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, quy định: “a) *Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm;*”

+ Do đó, khi cấp phép đối với doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai có hợp đồng liên kết đầu tư trồng cây thuốc lá với doanh nghiệp thuộc tỉnh, thành khác (đã được Sở Công Thương tỉnh, thành phố đó cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá) sẽ phát sinh nguy cơ bị trùng lặp về phần diện tích đã cấp phép giữa tỉnh Đồng Nai và địa phương khác, không đảm bảo được điều kiện cấp phép là quy mô diện đầu tư trồng cây thuốc lá theo quy định nêu trên.

Để có hướng giải quyết phù hợp, đúng quy định và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai kiến nghị Bộ Công Thương sớm có ý kiến phản hồi, hướng dẫn đối với các vướng mắc trong việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá thuộc trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh xin cấp giấy phép, nhưng không trồng cây thuốc lá tại địa phương mà có hợp đồng liên kết đầu tư trồng cây thuốc lá với doanh nghiệp ở các tỉnh khác.

Trả lời (Cục Công nghiệp):

Căn cứ khoản 6 Điều 8 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, bao gồm: “6. *Bản sao hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá và bản kê tổng hợp diện tích trồng, dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá.*” và căn cứ Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ: “1. *Doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá được phép lựa chọn vùng đầu tư và người trồng cây thuốc lá. Ký hợp đồng đầu tư trồng, mua nguyên liệu thuốc lá với người trồng cây thuốc lá và bán nguyên liệu thuốc lá cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá.*”

Như vậy, ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về doanh

nghiệp, doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá được phép lựa chọn vùng đầu tư và người trồng cây thuốc lá. Ký hợp đồng đầu tư trồng, mua nguyên liệu thuốc lá với người trồng cây thuốc lá và bán nguyên liệu thuốc lá cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá. Tuy nhiên, Cục Công nghiệp sẽ xem xét tiếp thu, trình các cấp có thẩm quyền bổ sung hướng dẫn về nội dung, tính chất các hợp đồng đầu tư trồng và hợp đồng liên kết đầu tư trồng, bao tiêu nguyên liệu thuốc lá.

Căn cứ Khoản 7 Điều 8 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ, về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá: “7. *Bảng kê danh sách người trồng cây thuốc lá, địa điểm, diện tích có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.*” và căn cứ Khoản 6 Điều 15 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ: “6. *Hàng năm doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá phải đăng ký diện tích trồng cây thuốc lá và dự kiến sản lượng nguyên liệu lá thuốc lá với chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân cấp xã, phường) trên địa bàn doanh nghiệp đầu tư.*”

Như vậy, để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp đầu tư bắt buộc phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về địa điểm, diện tích dự kiến trồng cây, hàng năm phải đăng ký diện tích trồng với địa phương mà doanh nghiệp tham gia trồng cây nên sẽ không làm phát sinh nguy cơ bị trùng lặp về quản lý diện tích trồng cây thuốc lá được cấp phép giữa các tỉnh, thành phố thuộc Trung ương.

III. Lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế và xuất nhập khẩu

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Bến Tre)

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã có Công văn số 7609/UBND-KT gửi Tổng Cục Hải quan tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh Bến Tre nói riêng và các tỉnh, thành nói chung nắm bắt chi tiết hơn về số liệu xuất, nhập khẩu của từng mặt hàng, từng thị trường cũng như năng lực xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong tỉnh là rất cần thiết. Và được Tổng Cục Hải quan phản hồi thông tin tại Công văn số 32/TCHQ-CNTT ngày 04 tháng 01 năm 2023 “Hiện tại, Bộ Tài chính đang được Chính phủ giao nhiệm vụ xây dựng Nghị định về kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh người và phương tiện vận tải theo Cơ chế một cửa quốc gia. Theo đó, đề nghị UBND tỉnh Bến Tre nghiên cứu dự thảo Nghị định để đưa ra các yêu cầu về thông tin vào nội dung của Nghị định”. Đối với dự thảo Nghị định về kết nối và chia sẻ thông tin trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh người và phương tiện vận tải theo cơ chế một cửa quốc gia: UBND tỉnh Bến Tre chưa nhận được văn bản gửi lấy ý kiến của Bộ Tài chính đối với dự thảo Nghị định.

Sở Công Thương Bến Tre kiến nghị Bộ Công Thương tác động Bộ Tài chính (Tổng Cục hải quan) xem xét chia sẻ và phân cấp quyền truy cập hệ thống dữ liệu xuất nhập khẩu quốc gia, cho phép Sở Công Thương tỉnh Bến Tre được thu nhận các dữ liệu xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, để có các số liệu xuất

nhập khẩu chi tiết hơn về từng thị trường, từng mặt hàng phục vụ sâu sát hơn nữa trong công tác điều hành và giúp Lãnh đạo tỉnh có sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, hiệu quả trong quản lý nhà nước về hoạt động xuất nhập khẩu.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Cà Mau)

Tại Hội nghị trực tuyến khối Công Thương địa phương năm 2023, Sở Công Thương Cà Mau có đề xuất Bộ Công Thương về nội dung “hỗ trợ cung cấp cho các địa phương các thông tin về kim ngạch xuất nhập khẩu của địa phương theo cơ cấu mặt hàng, khối lượng, doanh nghiệp, thị trường, giá xuất khẩu bình quân theo nhóm hàng để phục vụ công tác quản lý, định hướng phát triển của địa phương”.

Ngày 26/5/2023, Cục Công Thương địa phương đã có văn bản phúc đáp số 469/CTĐP-KHTH về việc trả lời đề xuất, kiến nghị tại Hội nghị trực tuyến khối Công Thương địa phương năm 2023.

Tuy nhiên, đối với các số liệu trên trang Tổng Cục Hải quan, địa phương chỉ tiếp cận được số liệu về Kim ngạch xuất khẩu và Kim ngạch nhập khẩu chung; đối với các số liệu như “Kim ngạch xuất khẩu của địa phương chia theo cơ cấu mặt hàng, theo thị trường và theo doanh nghiệp”, tỉnh vẫn chưa tiếp cận được gây nhiều khó khăn trong công tác quản lý, định hướng phát triển cho địa phương. Do đó, đề nghị Bộ Công Thương có giải pháp hỗ trợ để Sở Công Thương các địa phương có thể tiếp cận được các số liệu nêu trên nhằm phục vụ công tác theo dõi, quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu của tỉnh; đồng thời phục vụ các hoạt động trong công tác xúc tiến thương mại và công tác đối ngoại của tỉnh.

Trả lời kiến nghị 1,2 (Cục Xuất nhập khẩu):

Việc thống kê và công bố số liệu thống kê thực hiện theo quy định tại Luật Thống kê và Luật Hải quan. Số liệu tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng tháng, quý, năm theo mặt hàng, theo từng thị trường và của từng địa phương được Tổng cục Hải quan cập nhật công khai trên trang Thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan. Về phía Bộ Công Thương, Bộ cũng đã và đang sử dụng từ nguồn số liệu nêu trên do Tổng cục Hải quan công bố để thống kê, đánh giá, phục vụ công tác điều hành.

Đối với thông tin cơ bản về tình hình thị trường xuất khẩu, nhập khẩu, Bộ Công Thương luôn chú trọng cung cấp cho các địa phương, Hiệp hội, doanh nghiệp thông qua nhiều hình thức như thông tin cảnh báo về chống bán phá giá; các bản tin tình hình thị trường, giá cả của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại - Bộ Công Thương; các buổi Họp giao ban xuất khẩu; các Hội thảo, hội nghị cũng như thông tin cập nhật tại Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Cổng Thông tin thị trường nước ngoài (<http://vietnamexport.com/>), thông tin từ các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài... để giúp các địa phương nắm bắt và có những chính sách phù hợp.

Trong trường hợp cần bổ sung chỉ tiêu thống kê xuất nhập khẩu trong hệ thống chỉ tiêu theo dõi thống kê của địa phương, đề nghị các Sở Công Thương trao đổi thêm với Vụ Kế hoạch - Tài chính - Bộ Công Thương để có ý kiến tổng hợp về nội dung thống kê.

IV. Lĩnh vực Vệ sinh an toàn thực phẩm

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

- Theo quy định tại Khoản 5 và Khoản 9, Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định: người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận (cơ sở tự tổ chức tập huấn và xác nhận cho người lao động).

- Tại điểm d, Khoản 5, Điều 9, Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm: “.....Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm không đáp ứng kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật...”, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Tại điểm đ, Khoản 3, Điều 9, Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ: “...Sử dụng người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm không đáp ứng kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;.....”, phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Hiện nay, phần lớn cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, quy mô sản xuất hộ gia đình, có từ 01 đến 05 lao động, có nhiều cơ sở vừa là chủ cơ sở vừa là người trực tiếp sản xuất, kinh doanh, nhiều cơ sở chỉ có 01 người sản xuất (là chủ cơ sở) không có điều kiện tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm cho người lao động, hộ kinh doanh không có khả năng để thực hiện, trong khi đó, nếu chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất không đáp ứng về kiến thức an toàn thực phẩm sẽ xử lý theo quy định.

Do đó để tạo điều kiện thuận lợi cho chủ cơ sở, người trực tiếp sản xuất kinh doanh, kiến nghị Bộ Công Thương xem xét tham mưu điều chỉnh theo hướng Cơ quan nhà nước tổ chức tập huấn, xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

Trả lời (Vụ Khoa học và Công nghệ):

Khoản 5 Điều 10 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định “Người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận”.

Bộ câu hỏi kiểm tra và đáp án trả lời để đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành Công Thương cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm được ban hành tại Quyết định số 1390/QĐ-BCT ngày 26 tháng 5 năm 2020. Theo đó tổ chức, cá nhân có thẩm quyền (được giao thực hiện việc kiểm tra, xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm) có trách nhiệm chọn ngẫu nhiên 30 câu hỏi (gồm 20 câu thuộc kiến thức chung và 10 câu thuộc kiến thức chuyên ngành) trong bộ câu hỏi để kiểm

tra và đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm cho phù hợp với từng đối tượng áp dụng. Thời gian kiểm tra để xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm là 45 phút. Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm được cấp cho những người trả lời đúng 80% số câu hỏi trở lên ở mỗi phần câu hỏi kiến thức chung và câu hỏi kiến thức chuyên ngành.

Người trực tiếp sản xuất và chủ cơ sở sẽ được cấp Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm khi đã được tập huấn kiến thức và đã đạt kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm.

Mẫu Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm được quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công tác hậu kiểm kiểm tra việc chấp hành quy định về an toàn thực phẩm của các cơ sở sản xuất kinh doanh.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Tiền Giang)

Sở Công Thương có thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và có lấy mẫu sản phẩm “kẹo khóm” của một cơ sở sản xuất kẹo khóm để gửi kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, trong quá trình đối chiếu kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn của sản phẩm “kẹo khóm” của cơ sở sản xuất với hồ sơ tự công bố của cơ sở sản xuất và các quy định về an toàn thực phẩm thì gặp một số vướng mắc, cụ thể:

Theo hồ sơ tự công bố sản phẩm “kẹo khóm” của cơ sở sản xuất kẹo khóm (hồ sơ đã nộp đăng ký công bố với cơ quan nhà nước có thẩm quyền) có thành phần gồm: Khóm, đường, đậu phộng, đu đủ, tắc, gừng, mạch nha, dầu ăn, mè và hồ sơ tự công bố chỉ nêu sản phẩm sản xuất đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm” (gọi tắt là QĐ 46), QCVN 8-1:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (gọi tắt là QCVN 8-1), QCVN 8-2:2011/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (gọi tắt là QCVN 8-2) mà không nêu cụ thể các chỉ tiêu ở mức giới hạn nào.

Sở Công Thương kính đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn đối với trường hợp này, cụ thể:

(1) Đối với sản phẩm nêu trên thì sẽ áp dụng theo nhóm thực phẩm nào (sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, đậu đỗ; sản phẩm nhóm rau, quả; v.v....) để so sánh kết quả các chỉ tiêu kiểm nghiệm với các mức giới hạn quy định theo QĐ 46, QCVN 8-1, QCVN 8-2.

Trường hợp áp dụng theo nhóm sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, đậu đỗ thì giới hạn vi sinh vật cho phép trong ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc có được áp dụng theo số thứ tự thứ 2 mục 6.5 Phần 6 của QĐ 46 (sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu, đỗ: bánh, bột (dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng)).

Trường hợp áp dụng theo nhóm sản phẩm rau, quả thì giới hạn vi sinh vật

cho phép sẽ áp theo quy định nào (vì quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong sản phẩm rau, quả theo quy định của QĐ 46 đã được bãi bỏ theo Thông tư số 12/2021/TT-BYT ngày 06/9/2021 của Bộ Y tế).

(2) Theo điểm b khoản 1 Điều 5 (Hồ sơ, trình tự công bố) Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm có quy định trong hồ sơ tự công bố sản phẩm có thành phần hồ sơ là “Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực)”; Do đó, đối với trường hợp bản tự công bố của cơ sở sản xuất nộp tại cơ quan tiếp nhận bản tự công bố mà không có công bố cụ thể các chỉ tiêu an toàn và mức giới hạn của các chỉ tiêu theo các chỉ tiêu do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế và cũng không công bố cụ thể các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế thì Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm được nộp kèm theo Bản tự công bố của cơ sở sản xuất có được xem như là tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân tự công bố cho sản phẩm của tổ chức, cá nhân đó.

Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ):

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, Bộ Công Thương đã có văn bản số 5267/BCT-KHCN gửi Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang hướng dẫn thực hiện tự công bố sản phẩm.

3. Kiến nghị (Sở Công Thương Đồng Nai)

Các quy định thành phần hồ sơ về đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong sản xuất đã được đơn giản để tạo điều kiện cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình thẩm định thực tế tại doanh nghiệp sản xuất ngoài khu, cụm công nghiệp còn gặp phải các khó khăn, vướng mắc về điều kiện như sử dụng đất đai chưa đúng mục đích, xây dựng trái phép, điều kiện về đảm bảo môi trường, PCCC... Văn bản hướng dẫn chi tiết để xem xét cấp Giấy đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở sản xuất này chưa có, dẫn tới khó khăn, lúng túng trong quá trình xem xét cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP do ngành công thương quản lý.

Kiến nghị Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn chi tiết đối với công tác thẩm định đề cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong sản xuất thực phẩm do ngành công thương quản lý, khi cơ sở nằm ngoài khu, cụm công nghiệp và chưa đảm bảo các điều kiện về đất đai, xây dựng, môi trường, PCCC.

Trả lời (Vu Khoa học và Công nghệ):

Điều 64 Luật An toàn thực phẩm và Điều 39 Nghị định 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP quy định trách nhiệm của Bộ Công Thương quản lý về an toàn thực phẩm. Căn cứ để thẩm định cấp Giấy chứng

nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm là các tiêu chí liên quan đến an toàn thực phẩm, không quy định các điều kiện về đất đai, xây dựng, môi trường, PCCC. Các tiêu chí nêu trên được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật An toàn thực phẩm.

V. Lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Long An)

Thực hiện Nghị định số 09/2018/NĐ-CP:

a) Về cấp Giấy phép kinh doanh cho “chi nhánh” của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP quy định: “Sở Công Thương nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính thực hiện việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép kinh doanh.”.

Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã được Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép kinh doanh phân phối bán lẻ theo quy định của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP, doanh nghiệp thành lập chi nhánh tại tỉnh Long An, được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh

Theo khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “*Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp*”.

Như vậy, “chi nhánh” có được thực hiện các hoạt động phân phối bán lẻ theo ủy quyền, theo Giấy phép kinh doanh do Thành phố Hồ Chí Minh cấp hay không hay phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh theo quy định của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

Trả lời (Vụ Kế hoạch – Tài chính):

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP: “*Giấy phép kinh doanh được cấp cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các hoạt động sau...*”

Theo quy định trên, Giấy phép kinh doanh được cấp cho “Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”, không cấp cho Chi nhánh của tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Chi nhánh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa nói chung và quyền phân phối bán lẻ nói riêng theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp.

b) Về phân phối bán lẻ hàng hóa do tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất ra tại Việt Nam.

Việc phân phối bán lẻ tại thị trường Việt Nam các hàng hóa do tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sản xuất ra tại Việt Nam theo mục tiêu, dự án đầu tư đã đăng ký theo quy định của Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp thì không phải thực hiện thủ tục Cấp giấy phép kinh doanh theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP. Tuy nhiên,

trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành lập chi nhánh trên địa bàn tại tỉnh Long An hoặc tỉnh thành khác để thực hiện hoạt động bán lẻ hàng hóa do mình sản xuất ra, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho chi nhánh hay không.

Trả lời (Vụ Kế hoạch – Tài chính):

Việc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động phân phối bán lẻ tại thị trường Việt Nam các hàng hóa tổ chức kinh tế sản xuất ra (theo ngành nghề kinh doanh, mục tiêu đầu tư tổ chức kinh tế đã đăng ký/cấp phép theo quy định pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư và quy định pháp luật có liên quan) và là quyền của doanh nghiệp, không phải quyền phân phối bán lẻ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018.

Việc Chi nhánh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động bán lẻ hàng hóa do tổ chức kinh tế sản xuất ra thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có ủy quyền cho Chi nhánh thực hiện hoạt động bán lẻ tại một địa điểm nhất định theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (cơ sở bán lẻ), tổ chức kinh tế cần làm thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ đó theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

c) Việc thực hiện cấp phép kinh doanh theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP thời gian qua cũng có một số vướng mắc, do đó đề xuất Bộ Công Thương tổ chức hội nghị sơ kết Nghị định 09/2018/NĐ-CP hoặc tổng hợp các trả lời vướng mắc để thông tin đến các Sở Công Thương nắm biết để triển khai thực hiện được toàn diện hơn.

Trả lời (Vụ Kế hoạch - Tài chính):

Bộ Công Thương ghi nhận kiến nghị của Sở Công Thương Long An để xem xét, tổ chức hội nghị sơ kết Nghị định số 09/2018/NĐ-CP khi đủ điều kiện, theo đúng quy định.

VI. Lĩnh vực thương mại điện tử

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

Tại Điều 9, Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ Công Thương có hướng dẫn thực hiện hoạt động Tổ chức trưng bày, giới thiệu và xuất khẩu hàng hóa qua gian hàng chung trên sàn giao dịch thương mại điện tử. Tuy nhiên, Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài Chính chưa có hướng dẫn cụ thể về định mức chi đối với hoạt động này.

Đề xuất: Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Tài chính sớm có hướng dẫn cụ thể về định mức chi đối với hoạt động Tổ chức trưng bày, giới thiệu và xuất khẩu hàng hóa qua gian hàng chung trên Sàn giao dịch thương mại điện tử.

Trả lời (Cục Xúc tiến thương mại):

Bộ Công Thương đã làm việc với Bộ Tài chính và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính cho việc thực hiện Chương trình cấp quốc gia về XTTM. Bộ Công Thương đề nghị các địa phương phối hợp với Bộ Công Thương tiếp tục đề nghị với Bộ Tài chính sớm ban hành văn bản hướng dẫn cơ chế tài chính cho XTTM bao gồm nội dung tài chính liên quan đến

tổ chức, tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trên môi trường mạng trong thời gian sớm nhất.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Long An)

Doanh nghiệp bán hàng qua sàn thương mại điện tử Amazon tại thị trường Mỹ, do đó không có hợp đồng bán hàng đối với người tiêu dùng mua cuối cùng, chỉ có mã giao dịch khách hàng từ sàn amazon và các chứng từ xuất khẩu với hải quan như: Tờ khai hải quan xuất khẩu; chứng từ thanh toán qua ngân hàng bằng USD; Bảng kê bán hàng chi tiết. Tuy nhiên thuế đề nghị doanh nghiệp phải nộp 10% thuế VAT đầu ra coi như thuế VAT tiêu thụ nội địa, trong khi thuế VAT xuất khẩu là 0%. Do đó kiến nghị Bộ Công Thương xem xét, kiến nghị Bộ Tài chính về việc thực hiện bán hàng qua sàn giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới để doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu thông qua thương mại điện tử.

Trả lời (Cục Xuất nhập khẩu):

Hiện Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì xây dựng, ban hành dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu giao dịch qua thương mại điện tử. Dự thảo Nghị định đã được đăng tải để xin ý kiến các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị định và Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ theo quy định Luật Ban hành văn bản pháp luật. Do đó, liên quan đến quy định về xuất khẩu thông qua thương mại điện tử theo kiến nghị của Sở Công Thương tỉnh Long An, đề nghị Sở Công Thương tỉnh Long An liên hệ Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để cập nhật thông tin về tiến độ trình, ban hành dự thảo Nghị định nêu trên và các thông tin liên quan khác.

VII. Lĩnh vực xúc tiến thương mại

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

Bộ Công Thương đề xuất, kiến nghị Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại:

(1) Ngày 17/7/2023 Bộ Công Thương có Công văn số 4687/BCT-XTTM về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP và Sở Công Thương cũng đã có Công văn số 1371/SCT-QLTM ngày 02/8/2023 về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP, như sau:

- Tại điểm b khoản 7: Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại: Đề nghị không phải thực hiện thủ tục hành chính theo các hình thức khuyến mại quy định tại khoản 8, Điều 92 Luật thương mại và các Điều 12, Điều 14 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2023 của Chính phủ. Lý do: Các hình thức khuyến mại nêu trên là hình thức khuyến mại thông thường, giống như các hình thức khuyến mại quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP. Đồng thời, đề nghị bổ sung dự

thảo Nghị định quy định về trách nhiệm của Thương nhân có thực hiện chương trình khuyến mại: khi tổ chức hoạt động khuyến mại thì thương nhân tự thực hiện và công khai trên các trang thông tin điện tử của thương nhân hoặc công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài...) mà không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại gửi đến Sở Công Thương nơi thương nhân tổ chức hoạt động khuyến mại.

(2) Tại điểm c, khoản 3 Điều 17 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP, có nêu “Nộp 01 hồ sơ thông báo qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử hoặc kèm bản scan Thông báo thực hiện khuyến mại có chữ ký và đóng dấu của thương nhân đến địa chỉ thư điện tử đã được các Sở Công Thương công bố”.

Đề nghị bãi bỏ nội dung điểm này. Lý do: việc áp dụng “bản scan có chữ ký và đóng dấu” chưa phù hợp theo quy định chuẩn dữ liệu đầu vào và quy định tại điểm c Điều 9 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Đồng thời, phương thức tiếp nhận TTHC qua “hộp thư điện tử của cơ quan” sẽ khó khăn trong kiểm soát quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến; hiện nay hầu hết Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trên toàn quốc đã thực hiện áp dụng 02 TTHC này (thông báo hoạt động khuyến mại; thông báo sửa đổi, bổ sung về nội dung hoạt động chương trình khuyến mại) cung cấp DVCTT toàn trình và kết nối, tích hợp với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Cho thấy việc áp dụng phương thức nhận qua thư điện tử không còn phù hợp.

Trả lời (Cục Xúc tiến thương mại):

(1) Đối với kiến nghị, đề xuất không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại khi thực hiện chương trình khuyến mại theo các hình thức khuyến mại được quy định tại khoản 8 Điều 92 Luật Thương mại và các Điều 12, Điều 14 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP:

- Điều 12 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định về hình thức khuyến mại “*Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố*” mang nhiều yếu tố phức tạp, có nhiều nội dung có thể ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người tiêu dùng, việc tổ chức thi và trao giải thưởng cũng phải được thực hiện theo thể lệ và giải thưởng mà thương nhân đã công bố. Do đó, trước khi thực hiện chương trình khuyến mại dưới hình thức này, thương nhân cần phải thông báo đến cho cơ quan quản lý nhà nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát để đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng.

- Điều 14 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP quy định về hình thức khuyến mại “*Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên*” thường được diễn ra trong một khoảng thời gian dài, việc ghi nhận sự tham gia của khách hàng vào Chương trình phải kịp thời, chính xác và diễn ra thường xuyên. Do đó, việc thực hiện chương trình khuyến mại dưới hình thức này cũng cần phải được thông báo đến cho cơ quan quản lý nhà nước để theo dõi, giám sát và đảm bảo quyền lợi của người tiêu dùng.

Đối với hình thức khuyến mại được quy định tại khoản 8 Điều 92 Luật Thương mại, tiếp thu theo hướng đề xuất đưa hình thức khuyến mại này vào các

trường hợp không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 81/2018/NĐ-CP.

(2) Đối với đề nghị bãi bỏ quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 17 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP: Bộ Công Thương ghi nhận ý kiến đề xuất của Sở Công Thương Trà Vinh đề xuất bãi bỏ quy định này tại Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 81/2018/NĐ-CP.

PHẦN D - LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG

I. Lĩnh vực cung cấp điện, tiếp cận điện năng

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Bà Rịa – Vũng Tàu)

Yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các Tổng Công ty thuộc Tập đoàn khi ban hành có văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, công việc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương mà có liên quan đến nhiệm vụ theo dõi, quản lý nhà nước tại địa phương cần thông tin cho UBND tỉnh (đồng gửi Sở Công Thương) để theo dõi, phối hợp thực hiện.

Trả lời (Tập đoàn Điện lực Việt Nam):

Trong thời gian vừa qua, EVN đã phối hợp chặt chẽ và được sự hỗ trợ của UBND, Sở Công Thương các tỉnh/thành phố trong việc triển khai các chỉ đạo của Chính phủ và các bộ, ngành liên quan đến công tác quản lý nhà nước tại địa phương. EVN tiếp nhận kiến nghị của Sở Công Thương tỉnh và mong được sự tiếp tục hỗ trợ của UBND, Sở Công Thương các tỉnh/thành phố để hoàn thành các chỉ đạo của Chính phủ và các bộ, ngành.

II. Lĩnh vực năng lượng tái tạo

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

(1) Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sớm ban hành Luật Năng lượng tái tạo, tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp khai thác tiềm năng; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện VIII; Cơ chế điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

- Liên quan đến Luật Năng lượng tái tạo (NLTT): Hiện Bộ Công Thương đã giao cho cơ quan chuyên môn tham mưu, nghiên cứu, xây dựng hồ sơ liên quan đến Luật NLTT để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII:

+ Ngày 15/5/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050 (Quy hoạch điện VIII). Căn cứ Điều 45 Luật Quy hoạch và quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 55 Luật Quy hoạch, Bộ Công Thương đã phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

+ Ngày 12/7/2023, Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 4548/TTr-BCT đề nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII. Trên cơ sở Tờ trình số 4548/TTr-BCT, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số

5463/VPCP-CN ngày 19/7/2023 lấy ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan về dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch điện VIII.

+ Trên cơ sở Văn bản số 6070/VPCP-CN ngày 08/8/2023 của Văn phòng Chính phủ về hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, Bộ Công Thương đã tổng hợp ý kiến góp ý của các Bộ, ngành và có Tờ trình số 6046/TTr-BCT ngày 31/8/2023 trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, kèm theo nội dung tiếp thu, giải trình chi tiết ý kiến của các Bộ, ngành liên quan. Hiện đang chờ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

- Về cơ chế điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu: Ngày 15/9/2023, Bộ Công Thương đã có báo cáo số 160/BC-BCT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển điện mặt trời mái nhà, trong đó có nội dung về điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu. Theo đó, Bộ Công Thương kiến nghị Thủ tướng tổng công suất phát triển ĐMTMN đến năm 2030 có liên kết với lưới điện quốc gia được tăng thêm khoảng 2.600 MW, nếu ĐMTMN không liên kết với lưới điện quốc gia thì được phát triển không giới hạn công suất theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

(2) Kiến nghị Bộ Công Thương sớm trình Thủ tướng Chính phủ chủ trương xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, giải pháp thực hiện xuất khẩu năng lượng cho các tỉnh, khu vực có tiềm năng và có điều kiện thuận lợi trong tương lai nhằm giảm tải công suất cho các dự án năng lượng hiện hữu, đồng thời khai thác hết tiềm năng năng lượng tái tạo của các khu vực trên cả nước trong đó có tỉnh Trà Vinh; các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho các dự án, công trình sản xuất năng lượng mới (như hydro xanh, NH₃,...); Cơ chế xã hội hóa đường dây 500kV.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

a. Về chính sách, giải pháp thực hiện xuất khẩu năng lượng

Ngày 18/9/2023, Bộ Công Thương đã có Văn bản số 5412/BCT-ĐL về việc chủ trương xuất khẩu điện từ Việt Nam sang Singapore, theo đó, do có vướng mắc về các quy định pháp lý có liên quan (pháp luật về điện lực, pháp luật về đầu tư...) Bộ Công Thương đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ nội dung sau:

- Xin chủ trương cụ thể từ Bộ Chính trị về việc xuất khẩu điện quy mô lớn và giao các Bộ, ngành xây dựng hệ thống văn bản pháp luật để thể chế hóa chủ trương, làm cơ sở để triển khai thực hiện.

- Giao Bộ Công Thương nghiên cứu, giải quyết các vướng mắc về pháp luật điện lực nêu trên trong hồ sơ Luật Điện lực đang được thực hiện.

- Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến về thẩm quyền cấp chủ trương đầu tư, việc lựa chọn nhà đầu tư các dự án trên biển và nghiên cứu bổ sung quy định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án điện gió ngoài khơi và cáp ngầm vượt biển đi qua khu vực lãnh hải, đặc quyền kinh tế biển của nhiều nước.

- Giao Bộ Quốc phòng đưa ra các tiêu chí, yêu cầu để đảm bảo an ninh quốc phòng, chủ quyền biển đảo trong quá trình phát triển dự án điện gió ngoài khơi.

- Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập, thẩm định phê duyệt các hồ sơ dưới hình thức đề án để Bộ Công Thương có căn cứ thẩm định đề án xuất khẩu điện do UBND tỉnh Cà Mau trình theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 1400/VPCP-CN ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ.

Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương sẽ phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện.

b. Về cơ chế xã hội hóa đường dây 500kV, Bộ Công Thương có ý kiến như sau:

Khoản 2 Điều 4 Luật Điện lực được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 6 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 quy định: "*Xây dựng và phát triển thị trường điện lực theo nguyên tắc công khai, bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, có sự điều tiết của Nhà nước để nâng cao hiệu quả trong hoạt động điện lực; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện; thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh và theo quy hoạch phát triển điện lực, hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và tư vấn chuyên ngành điện lực*". Do đó, các thành phần kinh tế có thể tham gia đầu tư xây dựng lưới điện truyền tải trên cơ sở đảm bảo quốc phòng, an ninh và theo quy hoạch phát triển điện lực.

(3) Kiến nghị Bộ Công Thương đề xuất Quốc hội, Chính phủ xem xét bổ sung quy hoạch xây dựng đường dây độc lập và trạm biến áp 500kV Duyên Hải - Phú Lâm (Tp.HCM), để tạo điều kiện cho tỉnh mời gọi các nhà đầu tư thực hiện dự án trong thời gian tới.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Theo quy định tại Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch, không quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền việc điều chỉnh cục bộ 1 công trình như kiến nghị (và trạm biến áp 500kV Duyên Hải - Phú Lâm (Tp.HCM)) vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, do đó không có căn cứ pháp lý giải quyết kiến nghị, cũng như không quy định về việc Bộ Công Thương đề xuất Quốc hội nêu trên.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Cà Mau)

(1) Đối với dự án Nhà máy điện gió Khai Long - giai đoạn 1, đã được UBND tỉnh cấp chủ trương đầu tư nhưng dự án trễ tiến độ vận hành so với chủ trương đầu tư và thay đổi phương án đầu nối. Sở Công Thương đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau kiến nghị Bộ Công Thương có ý kiến tại Công văn số 5491/UBND-KT ngày 17/9/2021 và Công văn số 2153/UBND-KT ngày 30/3/2023 đến nay vẫn chưa nhận được ý kiến của Bộ Công Thương.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Bộ Công Thương đã có Văn bản số 6121/BCT-ĐL ngày 06/9/2023 gửi Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tiến độ các dự án điện gió, điện mặt trời đã hoàn thành thủ tục đầu tư xây dựng xong chưa được vận hành, theo đó Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ:

Quy hoạch điện VIII chỉ xác định tổng công suất các loại hình điện gió, điện mặt trời, mà không có danh mục dự án cụ thể. Quy hoạch điện VIII nêu rõ:

“Tiếp tục triển khai các dự án thủy điện nhỏ, điện gió, nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, các sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ trong các cơ sở công nghiệp, điện sinh khối, khí sinh học, điện sản xuất từ rác thải, chất thải rắn và phương án đấu nối đã được phê duyệt quy hoạch nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, các yêu cầu về tiêu chí, luận chứng dự án ưu tiên.

Đối với các dự án điện mặt trời đã được phê duyệt quy hoạch, đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và giao chủ đầu tư sẽ được xem xét tiến độ cụ thể trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo an ninh, cân đối các nguồn, phụ tải, phù hợp hạ tầng lưới điện, hiệu quả về kinh tế, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý”.

Do đó, việc giải quyết nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tại Thông báo số 182/TB-VPCP ngày 17 tháng 5 năm 2023 sẽ được thực hiện trong nhiệm vụ lập, trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

(2) Đối với Nhà máy điện gió Tân Thuận giai đoạn 3, đã được UBND tỉnh cấp chủ trương đầu tư, Nhà đầu tư đang chờ Bộ Công Thương có ý kiến về sự phù hợp của dự án với quy hoạch để làm cơ sở thực hiện thủ tục đấu nối, Sở Công Thương đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh kiến nghị Bộ Công Thương tại Công văn số 4585/UBND-KT ngày 18/8/2021 nhưng đến nay vẫn chưa nhận được ý kiến của Bộ Công Thương.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Ngày 21/7/2021, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo – Bộ Công Thương đã có Văn bản số 1169/ĐL-KH&QH gửi Tổng công ty Điện lực miền Nam đã trả lời dự án điện gió Tân Thuận giai đoạn 3 chưa đủ cơ sở triển khai thực hiện do chưa phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Do đó, việc triển khai các dự án nguồn điện giai đoạn sau năm 2020 phải tuân thủ theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023.

(3) Đối với dự án Nhà máy điện gió Viên An, do đường dây 220kV và trạm biến áp Năm Căn chưa triển khai, Bộ Công Thương đã có ý kiến thống nhất phương án đấu nối tạm về trạm 110kV về trạm Rạch Gốc, để tạm dựng hạ tầng lưới điện 110kV đã đầu tư và hỗ trợ nhà đầu tư tiết kiệm chi phí. Chủ tịch UBND tỉnh đã đề xuất Bộ Công Thương xem xét phê duyệt cho phép nhà đầu tư được chuyển phương án đấu nối tạm thành đấu nối chính thức tại Công văn số 3487/UBND-KT ngày 16/5/2023 nhưng đến nay chưa nhận được ý kiến phản hồi.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Ngày 16/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau mới có Văn bản số 3487/UBND-KT gửi Bộ Công Thương do đó không có căn cứ để xem xét, giải quyết.

Bộ Công Thương đã có Văn bản số 6121/BCT-ĐL ngày 06/9/2023 gửi Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trả lời về đề nghị điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

(4) Đối với các dự án đang triển khai xây dựng và các dự án đã được các cấp phê duyệt quy hoạch trước khi Quy hoạch điện VIII được phê duyệt tại Phụ lục 1 và 2, Sở Công Thương tỉnh Cà Mau kiến nghị Bộ Công Thương ghi nhận vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII để tiếp tục thực hiện.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và quy định như sau:

- Đối với các dự án điện mặt trời đã được phê duyệt quy hoạch, đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và giao chủ đầu tư sẽ được xem xét tiến độ cụ thể trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo an ninh, cân đối các nguồn, phụ tải, phù hợp hạ tầng lưới điện, hiệu quả về kinh tế, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý. Các dự án điện mặt trời đã có quy hoạch trong giai đoạn 2021 - 2030 nhưng chưa giao chủ đầu tư thì chưa được phép triển khai mà xem xét sau năm 2030, trừ trường hợp triển khai theo hình thức tự sản, tự tiêu trên cơ sở không hợp thức hóa nếu có vi phạm về quy hoạch, đất đai và các quy định khác của pháp luật.

- Đối với điện gió: Tiếp tục triển khai các dự án điện gió và phương án đầu nối đã được phê duyệt quy hoạch nhưng phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, các yêu cầu về tiêu chí, luận chứng dự án ưu tiên.

Như vậy việc xác định các đối tượng điện gió chuyển tiếp được xem xét trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

3. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

Kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ sớm ban hành Cơ chế về thị trường giá bán lẻ điện cạnh tranh cho phép các đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và năng lượng mặt trời mái nhà để khuyến khích nhân dân và doanh nghiệp đầu tư; giá bán điện cho các dự án năng lượng tái tạo.

4. Kiến nghị (Sở Công Thương Tiền Giang)

Một số hệ thống điện mặt trời mái nhà đầu tư hoàn thành sau ngày 31/12/2020, điện gió đầu tư hoàn thành sau ngày 31/10/2021 không được đấu nối hòa vào lưới điện quốc gia và ký hợp đồng mua bán điện với ngành điện, gây lãng phí. Do đó, kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành cơ chế, chính sách về giá mua bán điện đối với dự án điện mặt trời, điện mặt trời mái nhà đầu tư sau 31/12/2020 và dự án điện gió đầu tư sau ngày 31/10/2021.

5. Kiến nghị (Sở Công Thương Hậu Giang)

Một số hệ thống điện mặt trời mái nhà đầu tư hoàn thành sau ngày 31/12/2020, điện gió đầu tư hoàn thành sau ngày 31/10/2021 không được đấu nối hòa vào lưới điện quốc gia và ký hợp đồng mua bán điện với ngành điện, gây lãng phí. Do đó, kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành cơ chế, chính sách về giá mua bán điện đối với dự án điện mặt trời, điện mặt trời mái nhà đầu tư sau 31/12/2020 và dự án điện gió đầu tư sau ngày 31/10/2021.

6. Kiến nghị (Sở Công Thương Sóc Trăng)

Bộ Công Thương sớm ban hành cơ chế giá mua điện gió, điện mặt trời đối với các dự án có chủ trương đầu tư từ ngày 01/01/2021 trở về sau, không thuộc đối tượng được áp dụng tại Điểm b, Khoản 2, Điều 1 Quyết định số 21/QĐ-BCT ngày 07/01/2023 ban hành Khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp.

Cơ sở đề xuất: Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 21/QĐ-BCT, giá phát điện tại Quyết định số 21/QĐ-BCT chỉ áp dụng đối với các dự án của các tổ chức, cá nhân tham gia triển khai đầu tư nhà máy hoặc phần nhà máy điện mặt trời đã ký kết hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các nhà máy hoặc phần nhà máy điện gió đã ký kết hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam trước ngày 01 tháng 11 năm 2021.

Như vậy, các dự án điện gió, điện mặt trời có chủ trương đầu tư từ ngày 01/01/2021 trở về sau, chưa có khung giá phát điện để làm cơ sở thực hiện các thủ tục theo quy định. Việc này ảnh hưởng đến mục tiêu, kế hoạch phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh, ảnh hưởng đến kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ.

Trả lời kiến nghị 3,4,5,6 (Cục Điều tiết điện lực):

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 3004/QĐ-BCT về việc ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2023, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo Thông tư quy định khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió đã được đăng lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Công Thương đề lấy ý kiến rộng rãi từ ngày 29 tháng 8 năm 2023

7. Kiến nghị (Sở Công Thương Tiền Giang)

(1) Kiến nghị Bộ Công Thương ban hành quy định và hướng dẫn trình tự, thủ tục lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) tự dùng; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về điện gió, điện mặt trời.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

- Liên quan đến nội dung “quy định và hướng dẫn trình tự, thủ tục lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà tự dùng”, tại khoản 2 Điều 11 Luật Điện lực năm 2004 quy định “Chủ đầu tư dự án điện lực có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và bảo vệ môi trường”. Do đó, việc thực hiện đầu tư, lắp đặt và trình tự triển khai thực hiện ĐMTMN đề nghị tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng.

(2) Tại khoản 4 Điều 9 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của

Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam có quy định: “Tổ chức, cá nhân đầu tư lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn điện, an toàn công trình xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định hiện hành”. Kiến nghị Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an ban hành Quy định về an toàn công trình xây dựng, Quy định về môi trường, Quy định về phòng chống cháy nổ khi lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà để thống nhất thực hiện chung trên toàn quốc.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Hiện nay quy định của pháp luật điều chỉnh việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà đã cơ bản đầy đủ. Bộ Công Thương đề nghị các chủ đầu tư dự án trước khi triển khai đầu tư cần nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật để thực hiện:

- Trong lĩnh vực xây dựng, cần nghiên cứu các quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật số 62/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn cấp Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Xây dựng để triển khai thực hiện;

- Trong lĩnh vực môi trường, cần nghiên cứu quy định về Luật bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn cấp Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường để thực hiện;

- Trong lĩnh vực phòng cháy chữa cháy, cần nghiên cứu quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ, nội dung Văn bản số 3288/C07-P4 ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Cục Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ, Bộ Công an.

8. Kiến nghị (Sở Công Thương Bình Thuận)

(1) Điện mặt trời:

Kiến nghị Bộ Công Thương sớm ban hành, hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn để phát triển điện mặt trời tự sản, tự tiêu, việc đấu nối lưới điện quốc gia mà không phát lên lưới sản lượng điện mặt trời thừa trong quá trình sản xuất, sử dụng nhưng khi thiếu điện hộ dùng điện có thể tiếp nhận ngay điện lưới để sử dụng và hoạt động bình thường, nhằm tạo thuận lợi cho việc đầu tư các dự án điện năng lượng mặt trời của các doanh nghiệp, các trụ sở, cơ quan hành chính sự nghiệp, đảm bảo thực hiện mục tiêu của Quy hoạch điện VIII đã được phê duyệt (đến năm 2030, có ít nhất 50% trụ sở cơ quan trong hệ thống chính trị và các đơn vị sự nghiệp được đầu tư hệ thống điện mặt trời tự sản, tự tiêu) từng bước thực hiện có hiệu quả mục tiêu COP 26; ban hành cơ chế đấu thầu phát triển các dự án điện mặt trời nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng thị trường điện cạnh tranh.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Ngày 15/9/2023, Bộ Công Thương đã có báo cáo số 160/BC-BCT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển điện mặt trời mái nhà, trong đó có nội dung về điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu. Theo đó, Bộ Công Thương kiến nghị Thủ tướng tổng công suất phát triển điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) đến năm 2030 có liên kết với lưới điện quốc gia (đấu nối sau công tơ mua bán điện) được tăng thêm khoảng 2.600 MW để tự sử dụng và không bán điện cho tổ chức, cá nhân khác; nếu ĐMTMN không liên kết với lưới điện quốc gia (bao gồm cả nguồn - phụ tải) thì được phát triển không giới hạn công suất theo Quyết định số

500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương xây dựng chính sách về ĐMTMN, Bộ Công Thương sẽ triển khai nghiên cứu, xây dựng chính sách phát triển ĐMTMN có nội dung như trong kiến nghị.

(2) Điện gió

Ngày 15/5/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 500/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch điện VIII). Quy hoạch điện VIII là cơ sở pháp lý bước đầu, rất quan trọng để định hướng phát triển các dự án nguồn điện, lưới điện đến năm 2030 trên phạm vi cả nước và tỉnh Bình Thuận nói riêng. Đối với lĩnh vực điện gió ngoài khơi, Quy hoạch điện VIII đã xác định đến năm 2030 công suất điện gió ngoài khơi phục vụ nhu cầu điện trong cả nước đạt khoảng 6.000 MW; quy mô có thể tăng thêm trong trường hợp công nghệ phát triển nhanh, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý. Phát triển điện gió ngoài khơi là một trong những nội dung quan trọng trong Chương trình hành động số 60 -CTr/TU ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (khóa XIII) và Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm thực hiện Nghị quyết số 36 -NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có một số dự án đang xin phép khảo sát cho dự án điện gió ngoài khơi. Hoạt động khảo sát trên biển để lập dự án điện gió (phải có các bước: Khảo sát địa vật lý, Khảo sát địa kỹ thuật, Khảo sát đánh giá tác động môi trường và xã hội, Khảo sát đo gió, khí tượng và hải dương ngoài khơi) được điều chỉnh bởi Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Tuy nhiên, quá trình triển khai gặp một số vướng mắc về kỹ thuật liên quan đến ngành Công Thương như sau:

- Chưa có quy định về diện tích khu vực biển chấp thuận cho sử dụng để đo gió, khảo sát địa chất, địa hình, đánh giá tác động môi trường trên biển là bao nhiêu ha trên 1MW công suất dự kiến đối với từng khu vực biển (mỗi vùng biển sẽ có quy định khác nhau khi tốc độ gió, mật độ gió, công suất tua bin, điều kiện địa chất, địa hình đáy biển khác nhau).

- Chưa có quy định công suất nguồn điện gió ngoài khơi tối đa cho 01 dự án là bao nhiêu, chẳng hạn: 0,5 GW, 1 GW hay 2 GW,... để vừa đảm bảo khuyến khích nhà đầu tư tham gia dự án, vừa đảm bảo cân đối hệ thống truyền tải điện và hiệu quả đầu tư.

- Chưa có quy định công suất dự kiến để khảo sát là bao nhiêu GW trong từng thời kỳ quy hoạch cho phù hợp với tổng công suất điện gió ngoài khơi lũy kế đến năm 2030 được xác định trong Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) đã được phê duyệt.

- Chưa có quy định thời gian tối đa, tối thiểu của công tác chuẩn bị đầu

tư dự án điện gió ngoài khơi là bao nhiêu năm, và thời gian cụ thể cho mỗi công đoạn khảo sát bao lâu đủ cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích đánh giá tiềm năng kỹ thuật để hình thành dự án,...

- Chưa có tiêu chí lựa chọn nhà phát triển dự án có kinh nghiệm, năng lực và có cam kết rõ ràng về tiến độ, chất lượng khảo sát điện gió ngoài khơi. Do đó, kiến nghị Bộ Công Thương phối hợp các Bộ, ngành, địa phương liên quan sớm nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn,... nhằm giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc nêu trên.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

- Về kiến nghị “*Điện tích khu vực biển chấp thuận cho sử dụng để đo gió, khảo sát địa chất, địa hình, đánh giá tác động môi trường trên biển là bao nhiêu ha trên 1MW công suất dự kiến đối với từng khu vực biển*”, theo quy định tại Nghị định 96/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ, Bộ Công Thương không có chức năng, quyền hạn để giải quyết. Đề nghị tỉnh Bình Thuận có văn bản gửi đến Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

- Liên quan đến *quy định thời gian tối đa, tối thiểu của công tác chuẩn bị đầu tư dự án điện gió ngoài khơi cho mỗi công đoạn khảo sát bao lâu đủ cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích đánh giá tiềm năng kỹ thuật để hình thành dự án*: Đề nghị nghiên cứu các quy định nêu từ Điều 73 đến Điều 77 Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng về lĩnh vực khảo sát để thực hiện.

- Về quy định công suất các dự án:

+ Luật Điện lực không quy định công suất nguồn điện tối đa, do đó không có cơ sở quy định công suất các nguồn điện gió ngoài khơi tối đa cho 01 dự án. Công suất thực hiện từng dự án cụ thể tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Hiện nay, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023. Do đó, việc đề xuất công suất dự kiến khảo sát phải phù hợp với dự án/khu vực đã được quy hoạch.

- Liên quan đến *quy định thời gian tối đa, tối thiểu của công tác chuẩn bị đầu tư dự án điện gió ngoài khơi cho mỗi công đoạn khảo sát bao lâu đủ cơ sở dữ liệu phục vụ cho phân tích đánh giá tiềm năng kỹ thuật để hình thành dự án*: Dự án điện gió ngoài khơi cũng là dự án đầu tư xây dựng, đề nghị nghiên cứu các quy định nêu từ Điều 73 đến Điều 77 Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng về lĩnh vực khảo sát để thực hiện. Đồng thời, để triển khai thực hiện dự án cần phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực và các quy hoạch khác có liên quan, chủ trương đầu tư (có tiến độ thực hiện dự án), quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (trong đó có tiến độ thực hiện các giai đoạn của dự án ...).

9. Kiến nghị (Sở Công Thương Hậu Giang)

Một số văn bản hướng dẫn các quy định về lắp đặt điện mặt trời mái nhà của các bộ, ngành Trung ương chậm, chưa đồng bộ gây khó khăn trong việc hướng

dẫn cho các tổ chức, hộ gia đình thực hiện lắp đặt. Tại khoản 4 Điều 9 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam có quy định: “Tổ chức, cá nhân đầu tư lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn điện, an toàn công trình xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định hiện hành”. Kiến nghị Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công An ban hành Quy định về an toàn công trình xây dựng, Quy định về môi trường, Quy định về phòng chống cháy nổ khi lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà để thống nhất thực hiện chung trên toàn quốc.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Hiện nay quy định của pháp luật điều chỉnh việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà đã cơ bản đầy đủ. Bộ Công Thương đề nghị các chủ đầu tư dự án trước khi triển khai đầu tư cần nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật để thực hiện:

- Trong lĩnh vực xây dựng, cần nghiên cứu các quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, Luật số 62/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn cấp Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Xây dựng để triển khai thực hiện;

- Trong lĩnh vực môi trường, cần nghiên cứu quy định về Luật bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn cấp Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường để thực hiện;

- Trong lĩnh vực phòng cháy chữa cháy, cần nghiên cứu quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ, nội dung Văn bản số 3288/C07-P4 ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Cục Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ, Bộ Công an.

10. Kiến nghị (Sở Công Thương Đồng Nai)

a) Về hướng dẫn xử lý các kiến nghị về đấu nối hệ thống điện năng lượng mặt trời (Sở Công Thương đã có Văn bản số 4762/SCT-KT&NL ngày 24/7/2023 đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn xử lý các kiến nghị về đấu nối hệ thống điện năng lượng mặt trời, tuy nhiên chưa nhận được phản hồi của Bộ):

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có nhiều hệ thống điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) của người dân và doanh nghiệp đã hoàn thành lắp đặt, nghiệm thu và ký kết hợp đồng mua bán điện trước ngày 01/01/2021, tuy nhiên do cuối năm 2020 nhu cầu nhập vật tư thiết bị rất lớn, thiếu container rỗng, thiếu tàu vận chuyển dẫn đến việc lắp đặt trễ dẫn đến không kịp hoàn thành đấu nối trước thời hạn 31/12/2020 theo Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Các hệ thống ĐMTMN của các Nhà đầu tư trên đa phần đều do vay vốn ngân hàng để đầu tư nên việc không được đấu nối hoặc chỉ được mua một phần điện phát ra từ hệ thống năng lượng mặt trời dẫn đến Nhà đầu tư mất khả năng cân đối tài chính, không đủ tiền trả lãi suất ngân hàng và lương công nhân viên, không đủ chi phí để duy trì vận hành hệ thống ĐMTMN dẫn đến nguy cơ phá sản rất cao.

Trước tình hình trên, Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai kính đề nghị Bộ Công Thương hướng dẫn để tháo gỡ khó khăn nêu trên cho các Nhà đầu tư trong bối cảnh cả nước đang thiếu điện, để tránh lãng phí nguồn lực đầu tư xã hội và tài nguyên, kính đề nghị Bộ Công Thương sớm có hướng dẫn và xem xét giải quyết.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Về nội dung kiến nghị tại Văn bản số 4762/SCT-KT&NL ngày 24 tháng 7

năm 2023 của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Bộ Công Thương đã có Công văn số 1577/ĐL-NLTT ngày 17 tháng 8 năm 2023 trả lời Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai với nội dung như sau:

“- Căn cứ Quyết định số 12/2020/QĐ-TTg ngày 06/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, giá mua bán điện của hệ thống ĐMTMN cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hoặc đơn vị thành viên được EVN ủy quyền đã hết hiệu lực áp dụng kể từ ngày 01/02/2021.

- Về vấn đề đầu nối, huy động công suất của hệ thống ĐMTMN là hoạt động giữa hai doanh nghiệp (EVN hoặc đơn vị thành viên được EVN ủy quyền và doanh nghiệp có dự án/hệ thống ĐMTMN) dựa trên hợp đồng mua bán điện đã ký, khả năng truyền tải công suất của lưới điện và nhu cầu phụ tải hệ thống điện từng thời điểm, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.”

b) Về hướng dẫn tháo gỡ các khó khăn, bất cập trong việc thực hiện bổ sung thủ tục pháp lý liên quan đến hệ thống điện mặt trời mái nhà (UBND tỉnh Đồng Nai đã có Văn bản kiến nghị số 5706/UBND-KTN ngày 07/6/2022, tuy nhiên chưa nhận được phản hồi của Bộ):

Kiến nghị Bộ Công Thương hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc sau:

- Hướng dẫn tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện bổ sung thủ tục về cấp giấy phép xây dựng, đăng ký biến động mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác,...

- Xác định tổ chức, cá nhân lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà có công suất lắp đặt đến 01MW là ngành nghề có điều kiện hay không? Trường hợp xác định là ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì đó là điều kiện gì? Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với việc tuân thủ các điều kiện kinh doanh đó?

- Hướng dẫn về thủ tục pháp lý, trình tự thực hiện trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư hệ thống điện mặt trời mái nhà sau ngày 31/12/2020 có công suất lắp đặt đến 01MW để phục vụ nhu cầu tự sử dụng, không phát điện lên hệ thống điện quốc gia và không có nhu cầu bán điện.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Bộ Công Thương đề nghị Sở Công Thương nghiên cứu các quy định tại Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ Công Thương và các quy định khác của pháp luật có liên quan để hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện, trong đó lưu ý đến khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg.

Đối với nội dung khó khăn trong quá trình thực hiện bổ sung thủ tục về cấp giấy phép xây dựng, đăng ký biến động mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác đề nghị Sở Công Thương có văn bản gửi Bộ Xây Dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

c) Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023. Trong đó, định hướng phát triển đến năm 2030, công suất tăng thêm đối với loại hình điện mặt trời mái nhà là 2.600 MW (bao gồm cả loại

hình điện mặt trời tự sản, tự tiêu).

- Với lợi thế là một tỉnh công nghiệp, Đồng Nai hiện có 32 khu công nghiệp đang hoạt động với tổng diện tích xây dựng nhà xưởng khoảng 6.958,51 hecta, là một diện tích rất lớn có tiềm năng phát triển điện mặt trời trên mái nhà xưởng (tiềm năng phát triển khoảng 3.500 MWp). Đồng thời, trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh cũng có rất nhiều doanh nghiệp trong các khu công nghiệp có nhu cầu lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà theo hình thức tự sản, tự tiêu để phục vụ nhu cầu tự sử dụng và đáp ứng yêu cầu cấp chứng chỉ xanh phục vụ xuất khẩu hàng hoá. Ngoài ra, việc phát triển điện mặt trời trên mái nhà xưởng còn góp phần bảo vệ môi trường, cung cấp nguồn năng lượng sạch tại chỗ giảm tải cho lưới điện, hệ thống truyền tải quốc gia, từ đó giảm chi phí đầu tư cho ngành điện, giảm tổn thất điện năng.

- Để có thể khai thác được lợi thế trên, Sở Công Thương kiến nghị Bộ Công Thương sớm hoàn thiện dự thảo, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch điện VIII (trong đó có nội dung phân bổ chỉ tiêu công suất theo địa bàn đối với loại hình điện mặt trời mái nhà theo hình thức tự sản, tự tiêu).

- Đồng thời, được biết vừa qua Bộ Công Thương tổ chức lấy ý kiến dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà lắp đặt tại nhà ở, cơ quan công sở tại Việt Nam. Do đó, Sở Công Thương kiến nghị Bộ Công Thương bổ sung cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời mái nhà lắp đặt tại nhà xưởng khu công nghiệp.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Bộ Công Thương đã có Công văn số 160/BC-BCT ngày 15 tháng 9 năm 2023 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về xây dựng chính sách phát triển ĐMTMN, trong đó, các đối tượng dự kiến được áp dụng gồm nhà ở, cơ quan công sở và trụ sở doanh nghiệp, các đối tượng này được tăng thêm đến năm 2030 trên cả nước với tổng công suất khoảng 2.600 MW. Đối với loại hình điện MTMN theo hình thức tự sản, tự tiêu lắp đặt trên mái nhà xưởng, khu công nghiệp, Bộ Công Thương đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép phát triển không giới hạn quy mô công suất nhưng với điều kiện cả nguồn điện – phụ tải không liên kết với lưới điện quốc gia và chủ đầu tư phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, môi trường, PCCC... trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Xin ý kiến về loại hình điện mặt trời mái nhà theo hình thức tự sản, tự tiêu:

- Tại điểm b, khoản 1, Mục III, Quy hoạch điện VIII về phương án phát triển nguồn điện: *“Ưu tiên, khuyến khích phát triển điện gió, điện mặt trời tự sản tự tiêu (trong đó có điện mặt trời mái nhà của người dân và mái công trình xây dựng, điện mặt trời tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, tiêu thụ tại chỗ, không đấu nối hoặc không bán điện vào lưới điện quốc gia)”*.

- Như vậy, đối với trường hợp chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp mua điện qua thanh cái 110kV và bán điện 22kV cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp (hạ tầng điện trong khu công nghiệp do đơn vị kinh doanh hạ tầng đầu tư) khi họ tự đầu tư hoặc liên kết với doanh nghiệp trong khu công nghiệp để đầu tư điện mặt trời mái nhà trên mái nhà xưởng để bán điện cho các doanh nghiệp

có nhu cầu trong nội bộ khu công nghiệp, không bán điện và không phát điện vào lưới điện 110kV quốc gia thì có được xem đây là hình thức điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu hay không? Nếu không được xem là hình thức điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu thì với hình thức đầu tư nêu trên thuộc loại hình điện mặt trời mái nhà nào?

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Theo khoản 6 Điều 1 Luật số 24/2012/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực quy định: “Đầu tư phát triển điện lực phải phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực. Dự án đầu tư chưa có trong quy hoạch phát triển điện lực chỉ được thực hiện khi cơ quan lập quy hoạch phát triển điện lực trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch cho phép”. Do đó, chủ đầu tư căn cứ các quy định nêu trên của Luật Điện lực để triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

III. Về Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Tiền Giang)

Kiến nghị Bộ Công Thương ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước về hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

Trả lời (Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững):

Bộ Công Thương đã phối hợp làm việc với Bộ Tài chính để xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn định mức chi tiết cụ thể Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030, tuy nhiên đến nay Bộ Tài chính chưa ban hành Thông tư hướng dẫn. Việc triển khai Chương trình được áp dụng các thông tư có sẵn đối với các hoạt động tương tự do Bộ Tài chính ban hành.

IV. Công trình điện

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Tiền Giang)

(1) Kiến nghị Bộ Công Thương sớm phân bổ vốn cho “Chương trình mục tiêu cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2016-2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 (Bộ Công Thương đã có Tờ trình số 3462/TTr-BCT ngày 15/6/2021 trình Chính phủ xem xét, phê duyệt chuyển nguồn vốn dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia sang thực hiện trong giai đoạn 2021-2025), dự án do Tổng Công ty Điện lực miền Nam làm chủ đầu tư (trong đó tổng vốn đầu tư lưới điện nông thôn cho tỉnh Tiền Giang là 228,4 tỷ đồng).

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Chương trình đầu tư công “Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo, giai đoạn 2021-2025” (Chương trình) đã được Bộ Công Thương trình Chính phủ xem xét phê duyệt tại Tờ trình số 3462/TTr-BCT ngày 15/6/2021 với mục tiêu và quy mô cấp điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện năng lượng tái tạo khoảng 911.400 hộ dân của 14.676 thôn bản trên địa bàn 3.099 xã trên địa bàn 48 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cấp điện 2.478 trạm bơm quy mô vừa và nhỏ khu vực đồng bằng sông Cửu Long; Cấp điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện năng

lượng tái tạo cho các đảo còn lại: Đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị; Đảo Thổ Châu, An Sơn - Nam Du tỉnh Kiên Giang; Huyện đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (bao gồm tỉnh Tiền Giang). Tuy nhiên, đến nay có một số vướng mắc và khó khăn lớn nhất là không đảm bảo nguồn lực theo Luật đầu tư công, nên chưa đủ điều kiện trình Chính phủ phê duyệt Chương trình.

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, Bộ Công Thương đang đề xuất triển khai xây dựng mới Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo để cấp điện cho các hộ dân chưa có điện và cải tạo lưới điện nông thôn hiện có; Thực hiện cung cấp điện từ lưới điện quốc gia, kết hợp với cung cấp điện từ nguồn năng lượng tái tạo cho khu vực nông thôn, miền núi và hải đảo.

Như vậy, đến nay Chương trình chưa được Chính phủ phê duyệt, nên chưa có cơ sở đề xuất Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ xem xét phân bổ nguồn lực cho các dự án thành phần của Chương trình, trong đó có tỉnh Tiền Giang ở giai đoạn 2021 - 2025.

(2) Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023. Để có cơ sở triển khai thực hiện quy hoạch và lựa chọn nhà đầu tư, kiến nghị Bộ Công Thương tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định Quy định về lựa chọn nhà đầu tư dự án điện để thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, Ban cán sự Đảng Bộ Công Thương đã có Thông báo số 357-CV/BCSD về việc dừng chủ trương xây dựng Nghị định quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và giao Cục Điều tiết điện lực chủ trì, phối hợp với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu việc xây dựng cơ chế đấu giá, đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư kèm giá điện trong quá trình sửa đổi Luật Điện lực và hoàn thiện mô hình thị trường điện cạnh tranh.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Bà Rịa – Vũng Tàu)

Bộ Công Thương sớm ban hành văn bản quy định, hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nguồn điện theo quy định pháp luật chuyên ngành để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án nguồn điện theo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, Ban cán sự Đảng Bộ Công Thương đã có Thông báo số 357-CV/BCSD về việc dừng chủ trương xây dựng Nghị định quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư và giao Cục Điều tiết điện lực chủ trì, phối hợp với Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo và các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu việc xây dựng cơ chế đấu giá, đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư kèm giá điện trong quá trình sửa đổi Luật Điện lực và hoàn thiện mô hình thị trường điện cạnh tranh.

3. Kiến nghị (Sở Công Thương Bà Rịa – Vũng Tàu)

(1) Bộ Công Thương xem xét đưa dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Long Sơn và đường dây đầu nối vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII để làm cơ sở

triển khai thực hiện các thủ tục lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư dự án, sẵn sàng đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thành dự án trong giai đoạn 2026-2030 (thay vì giai đoạn 2031-2035) nhằm kịp thời thay thế các dự án nguồn điện khác bị chậm trễ, đảm bảo đủ nguồn điện cung ứng phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điện VIII, dự án nhiệt điện LNG Long Sơn đưa vào vận hành giai đoạn 2031-2035, vì vậy đường dây đầu nối sẽ đồng bộ với tiến độ vận hành của nhà máy nên nằm trong giai đoạn 2031-2035. Việc đẩy sớm tiến độ dự án LNG Long Sơn sang giai đoạn 2026-2030 sẽ được Bộ Công Thương xem xét, đánh giá trong quá trình phát triển điện lực thời gian tới và có báo cáo Thủ tướng Chính phủ kịp thời để xem xét, quyết định.

(2) Từ tiềm năng, lợi thế của tỉnh và trên quan điểm phát triển năng lượng và những tiêu chí, luận chứng ưu tiên đầu tư theo Quy hoạch điện VIII đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kiến nghị Bộ Công Thương, Viện Năng lượng - Bộ Công Thương xem xét, ưu tiên đưa vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII đối với các dự án nguồn điện từ chất thải rắn (điện rác) để xử lý môi trường bằng công nghệ đốt phát điện, điện sinh khối, điện gió trên biển (điện gió gần bờ và điện gió ngoài khơi) theo như kiến nghị của UBND tỉnh tại Phụ lục 2, 3 đính kèm theo Công văn số 9155/UBND-VP ngày 14/7/2023.

Trả lời (Viện Năng lượng):

- Nguồn điện sinh khối, điện rác, điện gió trên bờ và gần bờ

Theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điện VIII, toàn quốc dự kiến phát triển đến quy mô 2.270 MW điện sinh khối, điện rác và 21.880 MW điện gió trên bờ, gần bờ trong giai đoạn tới năm 2030. Với khu vực Nam Bộ, giai đoạn 2023-2030 dự kiến phát triển khoảng 698 MW điện sinh khối, điện rác và 5.720 MW điện gió trên bờ, gần bờ.

Theo văn bản số 9155/UBND-VP ngày 14/7/2023 cung cấp thông tin xây dựng Kế hoạch Quy hoạch điện VIII, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề xuất phát triển 133 MW điện rác, 23 MW điện sinh khối và 337 MW điện gió trên bờ, gần bờ. Ngoài tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Viện Năng lượng cũng nhận được văn bản cung cấp thông tin từ UBND các tỉnh/thành phố trong cả nước. Theo đó, tổng công suất điện sinh khối và rác đăng ký phát triển tại khu vực Nam Bộ trong giai đoạn tới 2030 đạt hơn 1.300 MW, gấp 1,8 lần so với tổng công suất được quy hoạch phát triển tại Nam Bộ của Quy hoạch điện VIII (698 MW). Với điện gió trên bờ và gần bờ, các tỉnh thành khu vực Nam Bộ đề xuất phát triển khoảng 23.900 MW gấp hơn 4 lần so với 5.720 MW được quy hoạch. Do vậy, giai đoạn tới năm 2030 không thể đáp ứng vận hành toàn bộ quy mô nguồn điện như đề xuất của các tỉnh, thành phố.

Trong dự thảo Kế hoạch Quy hoạch điện VIII (hiện đang được Viện Năng lượng báo cáo Bộ Công Thương lấy ý kiến góp ý của các địa phương), quy mô công suất nguồn điện sinh khối, điện rác, điện gió trên bờ và gần bờ trong giai

đoạn đến năm 2030 được tính toán theo từng tỉnh, thành phố trên cơ sở tiềm năng phát triển, tiến độ triển khai thực tế, khả năng giải tỏa công suất của lưới điện truyền tải theo vùng/tiểu vùng/tỉnh, hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, đồng thời đảm bảo tổng công suất lũy kế năm 2030 theo cơ cấu nguồn công suất tối ưu các vùng, miền của Quy hoạch điện VIII.

Phát triển nguồn điện tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cần đặt trong bức tranh phát triển điện lực hài hòa giữa các vùng miền dựa trên tính toán tối ưu của Quy hoạch điện VIII. Lượng công suất tăng thêm của các loại hình nguồn điện sẽ được tính toán về các tỉnh, thành phố trên cơ sở đảm bảo khả năng giải tỏa công suất của lưới điện và chi phí sản xuất điện có xét đến chi phí truyền tải là thấp nhất.

Với điện sinh khối và điện rác, ngoài quy mô công suất định hướng như dự thảo Kế hoạch Quy hoạch điện VIII, trong trường hợp đủ nguồn nguyên liệu, hiệu quả sử dụng đất cao, có yêu cầu xử lý môi trường, hạ tầng lưới điện cho phép, giá điện và chi phí truyền tải hợp lý, dự thảo Kế hoạch Quy hoạch điện VIII kiến nghị có thể phát triển thêm các loại hình nguồn điện sinh khối và điện rác. Điều này phù hợp với định hướng phát triển được phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg, đồng thời tăng cường năng lực xử lý môi trường, tận dụng phụ phẩm nông, lâm nghiệp, chế biến gỗ, thúc đẩy trồng rừng.

Bên cạnh đó, dự thảo Kế hoạch Quy hoạch điện VIII cũng kiến nghị hàng năm hoặc định kỳ theo quy định, Bộ Công Thương cần rà soát tiến độ đầu tư các loại nguồn điện nhằm đánh giá khả năng đảm bảo cung cấp điện. Trong trường hợp có những nguồn điện chậm hoặc không thể triển khai, Bộ Công Thương cần báo cáo Chính phủ, đề xuất các nguồn điện thay thế. Khi đó, các dự án nguồn năng lượng tái tạo sẽ được tính toán điều chỉnh phù hợp, trong đó có nguồn điện tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Nguồn điện gió ngoài khơi

Theo dự thảo Kế hoạch Quy hoạch điện VIII, tổng công suất điện gió ngoài khơi phục vụ nhu cầu điện trong nước dự kiến phát triển khoảng 6.000 MW trong giai đoạn tới năm 2030, bao gồm khoảng 1.000 MW tại Nam Bộ.

Theo các văn bản cung cấp thông tin từ UBND các tỉnh/thành phố, tổng công suất nguồn điện gió ngoài khơi đăng ký phát triển tại Nam Bộ đạt hơn 34.700 MW trong giai đoạn tới 2030, trong đó tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề xuất phát triển gần 6.000 MW (còn lại khoảng 8.000 MW đề xuất vận hành sau 2030). Quy mô này lớn hơn rất nhiều so với tổng công suất 1.000 MW dự kiến phát triển tại khu vực Nam Bộ trong giai đoạn 2023-2030 theo tính toán tại dự thảo Kế hoạch Quy hoạch điện VIII.

Hiện nay, hành lang pháp lý cho phát triển điện gió ngoài khơi còn chưa rõ ràng (chưa phê duyệt Quy hoạch không gian biển Quốc gia, chưa có căn cứ xác định phạm vi quản lý biển, chưa quy định cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư...). Do vậy, dự thảo Kế hoạch Quy hoạch điện VIII tính toán công suất phát triển điện gió ngoài khơi đến năm 2030 theo vùng (không tính toán cụ thể cho từng tỉnh, thành phố) trên nguyên tắc đảm bảo các tiêu chí về cơ cấu nguồn điện tối ưu (đã phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg), phát triển tại các vùng có tiềm năng gió tốt và khả năng đầu nối, giải tỏa công suất. Dự thảo Kế hoạch

Quy hoạch điện VIII cũng đề xuất cách thức lựa chọn danh mục dự án điện gió ngoài khơi theo vùng trên cơ sở xem xét các dự án tiềm năng do địa phương trong vùng đề xuất.

4. Kiến nghị (Sở Công Thương Đồng Nai)

a) Về trình tự, thủ tục điều chuyển công trình điện được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý:

Trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định 41/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do thủ tục phức tạp và phải lấy ý kiến nhiều bộ ngành trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển. Trong khi đó, Bộ Tài chính chưa hoàn chỉnh dự thảo, trình ban hành Nghị định của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý.

Kiến nghị Bộ Công Thương có ý kiến với Bộ Tài chính sớm hoàn chỉnh dự thảo, trình ban hành Nghị định của Chính phủ quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý.

Trả lời (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo):

Hiện nay Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng Nghị định về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam, trong đó thay thế Quyết định số 41/2017/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục điều chuyển công trình điện được đầu tư bằng vốn nhà nước sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Công Thương đã có trách nhiệm phối hợp và có ý kiến thống nhất thông qua Nghị định sau khi Bộ Tài chính tiếp thu, điều chỉnh một số nội dung.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, Bộ Tài chính đã có Công văn số 3497/BTC-QLCS báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định ban hành Nghị định. Theo đó, ngày 25 tháng 5 năm 2023, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 163/PLYK/2023 lấy ý kiến các Thành viên Chính phủ. Ngày 11 tháng 8 năm 2023, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đã chủ trì cuộc họp về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định.

b) Về khó khăn trong việc ngành điện tiếp nhận tài sản hình thành từ nguồn vốn ngoài ngân sách

Tại Văn bản số 228/EVN-TCKT ngày 04/5/2022, Tập đoàn Điện lực Việt Nam tạm dừng việc tiếp nhận không hoàn vốn đối với tài sản hình thành từ nguồn vốn ngoài ngân sách. Việc này gây khó khăn cho các chủ đầu tư trong công tác quản lý, vận hành, duy tu, sửa chữa lưới điện. Đề nghị Tập đoàn Điện lực Việt Nam hướng dẫn tiếp nhận tài sản để đảm bảo công tác quản lý, vận hành, duy tu, sửa chữa lưới điện.

Trả lời (Tập đoàn Điện lực Việt Nam):

EVN nhận được nhiều văn bản của tổ chức/cá nhân đề nghị bàn giao công trình điện được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách theo hình thức không hoàn vốn. Tuy nhiên, việc giao nhận lưới điện được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách chưa được các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn. Tập đoàn đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ các khó khăn, vướng mắc và đề nghị cho phép

EVN được tiếp nhận các công trình điện được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách.

Để giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc giao nhận lưới điện, Bộ Tài chính đã chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành dự thảo Nghị định quy định việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang EVN, trong đó có hướng dẫn trình tự chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách. Sau khi Nghị định có hiệu lực, EVN sẽ có văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện tiếp nhận các công trình điện được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách.

PHẦN E – CÁC NỘI DUNG KIẾN NGHỊ KHÁC

1. Kiến nghị (Sở Công Thương Trà Vinh)

(1) Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp:

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, Bộ Công Thương có Quyết định số 3529/QĐ-BCT ban hành kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2023, trong đó có nội dung về sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch số 221/2012/TTLT/BTC-BCT ngày 24/12/2012 của Liên Bộ Tài chính – Bộ Công Thương về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020. Vì vậy, đề xuất Bộ Công Thương chỉ đạo bộ phận chuyên môn có văn bản hướng dẫn để các tỉnh tổ chức thực hiện.

Trả lời (Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững):

Chương trình sản xuất sạch hơn đã kết thúc vào năm 2020. Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2031-2030, theo đó việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước trong chương trình được áp dụng các thông tư có sẵn đối với các hoạt động tương tự do Bộ Tài chính ban hành và không có cơ chế riêng.

(2) Tổ chức bộ máy, chế độ công vụ:

Hướng dẫn về vị trí việc làm chuyên môn dùng chung:

Ngày 30/12/2022, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BNV hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, tại bản mô tả vị trí việc làm, mục 5 yêu cầu về trình độ, phẩm chất của một số vị trí việc làm được quy định chưa phù hợp, điển hình như sau:

- Vị trí việc làm Phó Chánh Văn phòng thuộc Ban Quản lý, Thanh tra tỉnh, Sở và tương đương: yêu cầu kiến thức bổ trợ là “Có chứng chỉ bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương hoặc chứng chỉ bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương (sau khi bổ nhiệm)”, yêu cầu khác “Có khả năng, đề xuất những chủ trương, giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến mảng công việc được phân công và liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng

Bộ; Có khả năng tổ chức triển khai nghiên cứu, thực hiện các đề tài, đề án thuộc lĩnh vực chuyên môn của Văn phòng Bộ; Hiểu biết về lĩnh vực công tác của Văn phòng Bộ trong hệ thống chính trị và định hướng phát triển” (Lý do: Vị trí Chánh Văn phòng, Trưởng phòng thuộc Sở chỉ yêu cầu “Có chứng chỉ bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trở lên (sau khi bổ nhiệm)” và các yêu cầu khác chỉ áp dụng trong Văn phòng Bộ).

- Vị trí việc làm Chuyên viên về tổng hợp; Chuyên viên về hành chính - văn phòng; Chuyên viên về quản trị công sở: Trình độ đào tạo yêu cầu “Có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị hoặc bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền”, kiến thức bổ nhiệm “Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính” (Lý do: Các yêu cầu này áp dụng đối với chuyên viên chưa phù hợp).

- Vị trí việc làm Nhân viên phục vụ, Nhân viên Bảo vệ: Trình độ đào tạo “Tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên” (Lý do: Thực hiện quy định tại Điều 8 Nghị định 111/2022/NĐ-CP không yêu cầu tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể về trình độ đào tạo, đồng thời, đối với các vị trí này yêu cầu tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên sẽ bị hạn chế đối với một số người lao động chưa đạt trình độ mà trước đây các cơ quan thực hiện theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ. Hoặc có thể xem xét, quy định điều khoản chuyển tiếp đối với đối tượng này để đảm bảo quyền lợi cho người lao động).

Đề xuất Bộ Công Thương trao đổi, góp ý đến Bộ Nội vụ điều chỉnh phù hợp để các địa phương có cơ sở ban hành vị trí việc làm công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện của từng vị trí.

Trả lời (Vụ Tổ chức cán bộ):

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 12/2022/TT-BNV hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Vụ Tổ chức cán bộ thống nhất với kiến nghị của Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh về một số bất cập, vướng mắc liên quan tới một số vị trí việc làm thuộc Sở được quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV (gồm các vị trí việc làm: Phó Chánh Văn phòng, Chuyên viên về tổng hợp, Chuyên viên về hành chính - văn phòng; Chuyên viên về Quản trị công sở; Nhân viên phục vụ; Nhân viên bảo vệ; ...). Vụ Tổ chức cán bộ sẽ báo cáo Lãnh đạo Bộ đề nghị Bộ Nội vụ sửa đổi, điều chỉnh Thông tư số 12/2022/TT-BNV cho phù hợp. Đồng thời, Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Sở Công Thương Trà Vinh đề xuất UBND tỉnh Trà Vinh có Văn bản gửi Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, điều chỉnh Thông tư số 12/2022/TT-BNV đảm bảo phù hợp.

Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành; chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Công Thương:

Hiện nay, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 06/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công thương và Thông tư số 07/2023/TT-BCT hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành công thương. Tuy nhiên đến nay, Bộ chưa ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công thương, từ đó, việc xây dựng vị trí việc làm, việc tuyển dụng của công chức, viên chức chuyên ngành công thương còn khó khăn.

Do đó, đề xuất Bộ Công Thương sớm ban hành Thông tư quy định định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công thương để địa phương tổ chức chuyển xếp ngạch công chức, viên chức chuyên ngành phù hợp.

Trả lời (Vụ Tổ chức cán bộ):

Hiện nay, công chức quản lý thị trường là công chức chuyên ngành công thương. Đối với các công chức quản lý thị trường, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BCT ngày 20 tháng 01 năm 2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức quản lý thị trường.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 64 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Bộ Công Thương không quản lý viên chức chuyên ngành. Do đó, không có cơ sở để Bộ Công Thương ban hành tiêu chuẩn đối với viên chức chuyên ngành.

(3) Cải cách hành chính:

Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử:

Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, có hiệu lực từ ngày 25/5/2023, tại Điều 10 quy định về cấp mã kết quả số hóa trong đó cấu trúc mã có đoạn mã thành phần là <mã loại giấy tờ> .

Trong <mã loại giấy tờ> được quy định áp dụng với 02 dạng cấu trúc:

- Một là <mã loại kết quả giải quyết TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC >

- Hai là <mã TTHC>. <mã loại giấy tờ theo quy định của bộ, ngành hoặc số thứ tự của giấy tờ trong thành phần hồ sơ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC>

Qua rà soát dữ liệu đối với các <mã loại giấy tờ> trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của ngành Công Thương nói chung

và của Sở Công Thương các địa phương nói riêng, phát sinh khó khăn khi thực hiện áp dụng trong công tác số hóa hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Một là <mã loại kết quả> của TTHC này là thành phần hồ sơ của <mã loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ> của TTHC khác, cùng 1 loại văn bản nhưng hệ thống có nhiều loại mã khác nhau. Cụ thể: đối với nhóm thủ tục về lưu thông hàng hóa trong nước (nhóm xăng dầu) gồm có:

+ Tên kết quả Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu có <mã loại kết quả> : KQ.G02.000144

+ Thành phần hồ sơ khi cấp lại có nội dung tên “- Bản gốc hoặc bản sao Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu (nếu có)” tương ứng <mã loại thành phần hồ sơ> : 000.00.00.G02-KQ003381

+ Thành phần hồ sơ khi cấp sửa đổi, bổ sung có nội dung tên “- Bản gốc Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp;” tương ứng <mã loại thành phần hồ sơ> : 000.00.00.G02-KQ003377

- Hai là, nội dung tên thành phần hồ sơ trùng nhau và có nhiều mã <mã loại thành phần hồ sơ> khác nhau, nhưng cấu trúc mã lại không thể hiện được thành phần hồ sơ đó áp dụng cho <mã TTHC> nào, rất khó để kiểm soát, rà soát dữ liệu để thực hiện kết nối, tích hợp kỹ thuật giữa các cổng dịch vụ công.

CƠ SỞ DỮ LIỆU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
Kỷ cương, Liêm chính, Hành động, Sáng tạo, Bút phá, Hiệu quả

Thủ tục hành chính >
Danh mục DVC >
Thống kê >
Quản trị danh mục >
Cơ quan
Kết quả
Căn cứ pháp lý
Đơn vị hành chính
Thành phần hồ sơ
Người dùng

Tên: Nhập tên thành phần hồ sơ Mã: Nhập mã thành phần hồ sơ
Loại tài liệu: Tài liệu x v Tình trạng: Chọn tình trạng
Cơ quan: Bộ Công thương x v

Tìm thấy 3428 kết quả

STT	Mã	Tên	Tên tài liệu	Cơ quan	Tình trạng
1	000.00.00.G02-KQ003890	d) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan.	Tài liệu	Bộ Công thương	Sử dụng
2	000.00.00.G02-KQ003889	c) Đánh giá của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về đề xuất của nhà thầu; văn bản tiếp thu, giải trình của nhà thầu (nếu có).	Tài liệu	Bộ Công thương	Sử dụng
3	000.00.00.G02-KQ003888	b) Nội dung tài liệu về quản lý an toàn theo quy định tại Điều 39 Nghị định 45/2023/NĐ-CP.	Tài liệu	Bộ Công thương	Sử dụng
4	000.00.00.G02-KQ003887	a) Tờ trình đề nghị phê duyệt các tài liệu về quản lý an toàn.	Tài liệu	Bộ Công thương	Sử dụng
5	000.00.00.G02-KQ003886	c) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan.	Tài liệu	Bộ Công thương	Sử dụng
6	000.00.00.G02-KQ003885	b) Đánh giá của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về đề xuất của nhà thầu; văn bản tiếp thu, giải trình của nhà thầu (nếu có).	Tài liệu	Bộ Công thương	Sử dụng
7	000.00.00.G02-KQ003884	a) Văn bản đề nghị để lại một phần hoặc toàn bộ công trình đầu khi hay hoàn thu dọn một phần hoặc toàn bộ công trình đầu khi.	Tài liệu	Bộ Công thương	Sử dụng
8	000.00.00.G02-KQ003883	d) Các văn bản, tài liệu khác có liên quan.	Tài liệu	Bộ Công thương	Sử dụng
9	000.00.00.G02-KQ003882	d) Bản tóm tắt kế hoạch thu dọn công trình đầu khi.	Tài liệu	Bộ Công thương	Sử dụng
10	000.00.00.G02-KQ003881	c) Kế hoạch thu dọn công trình đầu khi gồm các nội dung chính được quy định tại Điều 50 Luật Dầu khí.	Tài liệu	Bộ Công thương	Sử dụng

- Ba là, tại cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, từng nội dung thành phần hồ sơ trong mỗi TTHC, cũng không thể hiện số thứ tự hoặc mã loại thành phần giấy tờ theo khoản 3 Điều 10 quy định rà soát dữ liệu để triển khai thực hiện lưu hồ sơ

sau khi số hóa.


CƠ SỞ DỮ LIỆU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
 Kỷ cương, Liêm chính, Hành động, Sáng tạo, Bút phá, Hiệu quả

Thủ tục hành chính >
 Danh mục DVC >
 Thống kê >
 Quản trị danh mục >

THÀNH PHẦN HỒ SƠ:

Tên giấy tờ	Mẫu đơn, tờ khai	Số lượng
Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, thương nhân phải lập hồ sơ gửi về Sở Công Thương để nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:		Bản chính: 0 Bản sao: 0
- Đơn đề nghị bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo Mẫu số 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 95/2021/NĐ-CP;	Mẫu số 3.doc	Bản chính: 1 Bản sao: 0
- Bản gốc Giấy chứng nhận của hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu đã được cấp;		Bản chính: 1 Bản sao: 0
- Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.		Bản chính: 1 Bản sao: 1

Đối tượng thực hiện: Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)
 Mô tả đối tượng thực hiện: - Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.
 - Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg không lưu thông trên thị trường.
 Cơ quan thực hiện: Sở Công thương

Nhằm thực hiện nhiệm vụ số hóa ngày càng tốt hơn cũng như đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, đề xuất Bộ Công Thương sớm có văn bản hướng dẫn thực hiện áp dụng hoặc ban hành danh mục cơ sở dữ liệu về <mã loại giấy tờ> của các TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương cụ thể để các Sở Công Thương áp dụng thực hiện. Đồng thời, kiến nghị Bộ Công Thương phối hợp với Văn phòng Chính phủ, điều chỉnh bổ sung thêm trường dữ liệu <mã loại giấy tờ> vào từng thành phần hồ sơ của TTHC trên hệ thống CSDL quốc gia.

Trả lời (Văn phòng Bộ Công Thương):

Bộ Công Thương ghi nhận ý kiến của Sở Công Thương Trà Vinh, Bộ Công Thương đã trao đổi với đơn vị kỹ thuật của Văn phòng Chính phủ để hướng dẫn và đã điều chỉnh, cập nhật các trường thông tin trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Về công bố TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương:

Trong thời gian qua, một số quyết định công bố thủ tục hành chính hoặc sửa đổi bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương có liên quan đến các địa phương nhưng không được gửi cho các địa phương hoặc gửi chậm, dẫn đến địa phương công bố chậm do không có cơ sở dữ

liệu. Do đó, để kịp thời trình UBND công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Công Thương đúng thời gian quy định, nhằm kịp thời công khai, tiếp nhận hồ sơ, thủ tục của người dân, đề xuất Bộ Công Thương khi công bố các thủ tục hành chính hoặc sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ có liên quan đến các tỉnh, địa phương kịp thời gửi cho Sở Công Thương các tỉnh biết, để công bố, công khai và tiếp nhận theo quy định.

Trả lời (Văn phòng Bộ Công Thương):

Bộ Công Thương ghi nhận kiến nghị của Sở Công Thương Trà Vinh. Đồng thời, đề nghị các Sở Công Thương thường xuyên cập nhật các quyết định công bố TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia do Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát thủ tục hành chính) thực hiện.

2. Kiến nghị (Sở Công Thương Cà Mau)

Lĩnh vực tổ chức cán bộ: Trong quá trình xây dựng Đề án vị trí việc làm của Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công - đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở theo Thông tư số 06/2023/TT-BCT và Thông tư số 07/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công thương và hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực công thương, Sở Công Thương gặp khó khăn trong xây dựng trình độ của vị trí việc làm và mã số chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp. Ngày 25/5/2023, Sở Công Thương kiến nghị Bộ Công Thương tại Công văn số 1005/SCT-VP về việc vị trí việc làm công chức, viên chức với các nội dung: (1) Thống nhất cho Sở Công Thương tỉnh Cà Mau áp dụng các quy định về trình độ, năng lực sử dụng ngoại ngữ theo Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022, Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ để xây dựng vị trí việc làm của Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị; (2) Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công thương.

Đến nay, Sở Công Thương chưa nhận được ý kiến phản hồi của Bộ Công Thương. Kiến nghị Bộ Công Thương sớm có ý kiến về vấn đề này để Sở Công Thương tỉnh Cà Mau có cơ sở xây dựng Đề án vị trí việc làm của Sở và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở làm căn cứ bố trí, sắp xếp đội ngũ công chức, viên chức.

Trả lời (Vụ Tổ chức cán bộ):

Theo quy định: Thông tư số 02/2022/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ chỉ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư nói

chung. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội chỉ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Do đó, đối với các vị trí việc làm công chức chuyên ngành công thương, viên chức chuyên ngành công thương, đề nghị Sở Công Thương tỉnh Cà Mau áp dụng các Thông tư số 06/2023/TT-BCT và Thông tư số 07/2023/TT-BCT (các Thông tư này quy định tiêu chuẩn cụ thể cho công chức, viên chức làm việc tại các vị trí việc làm công chức, viên chức chuyên ngành công thương trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực công thương).

3. Kiến nghị (Sở Công Thương Sóc Trăng)

Chuyển tiếp kiến nghị của doanh nghiệp về việc kiến nghị Bộ Công Thương đánh giá lại thực trạng ngành mía đường Việt Nam để có chính sách điều chỉnh phù hợp, không tiếp tục thực hiện chính sách bảo hộ ngành mía đường trong nước.

Trả lời (Cục Xuất nhập khẩu):

Trong những năm qua, mặt hàng đường nói riêng và ngành mía đường nói chung luôn nhận được sự quan tâm cao của Quốc hội, Chính phủ và các Bộ ngành. Với vai trò của một cơ quan quản lý nhà nước phụ trách công tác thị trường trong nước, xuất nhập khẩu, quản lý thị trường và công nghiệp thực phẩm, Bộ Công Thương đã luôn cố gắng, chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Hiệp hội Mía đường Việt Nam, các nhà máy sản xuất đường và các doanh nghiệp sử dụng đường để hỗ trợ cho ngành mía đường Việt Nam.

Theo hướng đó, đường luôn là một trong những mặt hàng được bảo hộ ở mức cao nhất trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể là khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA). Trên tinh thần đó, Bộ Công Thương đã luôn cân nhắc, đánh giá toàn diện các mặt khi thực hiện thẩm quyền được giao trong việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại cũng như điều hành nhập khẩu đường theo hạn ngạch thuế quan hướng đến mục tiêu cao nhất là tiêu thụ hết mía cho người nông dân và thiết lập môi trường để ngành mía đường Việt Nam từng bước cạnh tranh một cách công bằng, bình đẳng với hàng nhập khẩu.

Khi tính toán, xác định và triển khai các biện pháp liên quan đến quản lý nhập khẩu đường, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành luôn phải lưu ý tới việc cân đối quyền lợi của 04 nhóm đối tượng có liên quan, gồm người nông dân trồng mía, các nhà máy sản xuất đường, các doanh nghiệp sử dụng đường làm nguyên liệu sản xuất và người tiêu dùng. Cụ thể, bên cạnh lợi ích của người nông dân trồng mía còn có lợi ích của 100 triệu người tiêu dùng Việt Nam và hàng nghìn doanh nghiệp sản xuất thực phẩm, đồ uống sử dụng đường làm nguyên liệu. Bản thân nhiều nhà máy đường cũng có nhu cầu duy trì sản xuất, duy trì việc

làm cho hàng ngàn lao động sau khi vụ mía trong nước kết thúc. Do vậy, bất kỳ biện pháp nào có tác động đến cung - cầu và giá cả mặt hàng đường trên thị trường, bao gồm cả biện pháp phòng vệ thương mại và điều hành nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan, cũng phải tính đến những lợi ích chính đáng này. Đây không chỉ là quan điểm của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mà còn là nghĩa vụ đối với các Bộ, ngành được nêu tại Luật Quản lý ngoại thương.

Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ ngành liên quan và Hiệp hội Mía đường Việt Nam nghiên cứu, xem xét thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về nhập khẩu mặt hàng đường trên cơ sở tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, cố gắng cân đối tối đa quyền lợi của tất cả các bên liên quan. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, ngăn chặn, xử lý các hành vi gian lận xuất xứ mặt hàng đường nhập khẩu; giám sát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp, chống lẩn tránh để đảm bảo hiệu quả thực thi, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp sản xuất đường.

Bộ Công Thương cũng kiến nghị các Bộ ngành, Hiệp hội Mía đường Việt Nam, các doanh nghiệp sản xuất đường cần tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 28/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về triển khai các giải pháp phát triển ngành mía đường Việt Nam trong tình hình mới, thúc đẩy ngành sản xuất mía, đường phát triển bền vững, đảm bảo quyền lợi của người lao động và các doanh nghiệp ngành mía đường hoạt động hiệu quả, đủ sức cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

4. Kiến nghị (Sở Công Thương Bà Rịa – Vũng Tàu)

Bộ Công Thương, Cục Công Thương địa phương ban hành mẫu báo cáo số liệu thống nhất để các tỉnh, thành phố thực hiện công tác thống kê số liệu ngay từ đầu giai đoạn, phục vụ việc báo cáo hàng năm, 05 năm và 10 năm được thuận lợi.

Trả lời (Vụ Kế hoạch – Tài chính):

Ngày 20/12/2023, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 34/2022/TT-BCT Quy định Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó quy định Sở Công Thương thực hiện và gửi báo cáo định kỳ tháng, quý, năm. Không có quy định nào về báo cáo 05 năm và 10 năm.

5. Kiến nghị (Sở Công Thương Bình Thuận)

Bộ Công Thương xem xét, sửa đổi Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 về quy định nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản cho phù hợp với Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Trả lời (Cục Công nghiệp):

Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương chỉ quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản theo quy định của Luật Xây dựng và các Nghị định hướng dẫn, phù hợp với tính đặc thù của ngành khai thác mỏ khoáng sản. Nội dung Thông tư quy định đối với 2 loại dự án: Dự án khai thác mỏ khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên và Dự án mỏ khoáng sản khai thác bằng phương pháp hầm lò.

Hiện nay, về cơ bản, các quy định về thẩm quyền thẩm định, quy trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình khai thác mỏ khoáng sản đã được quy định tại Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Tiếp thu ý kiến của các địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan, Bộ Công Thương sẽ tổng hợp, nghiên cứu điều chỉnh trong quá trình điều chỉnh Thông tư 26/2016/TT-BCT để hướng dẫn chi tiết, phù hợp với các quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng.